

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRỊNH THỊ HỢP

MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HOÁ VÀ PHÁT TRIỂN TRONG
VIỆC XÂY DỰNG NẾP SỐNG VĂN HOÁ KHU DÂN CƯ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Chuyên ngành : Triết học

Mã số : 60 22 80

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

2013 | PDF | 109 Pages
buihuuhanh@gmail.com

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. LÊ HỮU ÁI

Đà Nẵng - Năm 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả

TRỊNH THỊ HỢP

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Bố cục đề tài.....	4
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu.....	4
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN	10
1.1. VĂN HÓA VÀ VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA.....	10
1.1.1. Khái niệm văn hóa	10
1.1.2. Các quan điểm về văn hóa	13
1.1.3. Vai trò của văn hóa	23
1.2. PHÁT TRIỂN VÀ VAI TRÒ CỦA PHÁT TRIỂN.....	27
1.2.1. Khái niệm về phát triển.....	27
1.2.2. Các quan điểm phát triển	30
1.2.3. Vai trò của phát triển.....	36
1.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN	40
1.3.1. Ảnh hưởng của văn hóa đối với phát triển.....	40
1.3.2. Phát triển là cơ sở cho sự bền vững của văn hóa.....	47
CHƯƠNG 2. VẬN DỤNG MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN ĐỂ XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA KHU DÂN CƯ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY.....	53
2.1. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	53
2.1.1. Đặc điểm địa lý	53
2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội.....	54

2.2. TÌNH HÌNH ĐỜI SỐNG VĂN HÓA KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	56
2.2.1. Thực trạng đời sống văn hóa khu dân cư ở thành phố Đà Nẵng ..	56
2.2.2. Vấn đề xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư ở thành phố Đà Nẵng.....	63
2.2.3. Những thành tựu và một số vấn đề đặt ra cho thành phố	75
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG NẾP SỐNG VĂN HÓA KHU DÂN CƯ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY.....	84
3.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA CÁC GIẢI PHÁP	84
3.1.1. Quan điểm chiến lược của Đảng, Nhà nước.....	84
3.1.2. Quan điểm chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.....	86
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA KHU DÂN CƯ	89
3.2.1. Giải pháp quản lý Nhà nước	89
3.2.2. Giải pháp huy động nguồn lực.....	91
3.2.3. Giải pháp đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng	92
3.2.4. Giải pháp nâng cao nghiệp vụ.....	93
3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT	94
3.3.1. Về phía các cơ quan ban ngành.	94
3.3.2. Về phía các cơ quan quản lý	95
3.3.3. Về phía các cán bộ văn hóa cấp cơ sở	98
3.3.4. Về nội dung và hình thức thực hiện.....	99
KẾT LUẬN	101
TÀI LIỆU THAM KHẢO	102
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (Bản sao)	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”, điều này cho thấy trong đời sống xã hội, văn hóa được coi là nền tảng tinh thần, là động lực, mục tiêu của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Trong lịch sử xã hội loài người, đã có những thời kỳ người ta chỉ chú trọng vào phát triển kinh tế mà bỏ qua những yếu tố tinh thần của con người. Thực tế cho thấy, khi con người chỉ quan tâm tới các giá trị về kinh tế và chỉ chú trọng vào các mục tiêu tăng trưởng kinh tế thì sẽ tất yếu phát sinh những vấn đề về suy thoái đạo đức, văn hóa, lối sống, các yếu tố tinh thần bị xem nhẹ và coi thường, kéo theo hệ quả tất yếu là sự mất ổn định xã hội, kinh tế rơi vào khủng hoảng. Thực tế xã hội cho thấy, phát triển kinh tế phải luôn gắn liền với phát triển về văn hóa, đây là mối quan hệ hữu cơ không thể tách rời, phản ánh xu thế phát triển tất yếu của xã hội loài người.

1.2. Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa thì mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển trở thành lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng. Các nước trên thế giới không chỉ thúc đẩy mối quan hệ hợp tác trên lĩnh vực kinh tế, mà còn thiết lập những mối quan hệ về văn hóa, từ đó thúc đẩy quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa rộng khắp trên phạm vi toàn cầu. Đối với mỗi quốc gia, dân tộc đều tự nhận thức được rằng muốn đạt được sự phát triển bền vững và ổn định thì phải xem việc xây dựng văn hoá làm cơ sở, làm nền tảng, phải gắn kết tăng trưởng kinh tế với việc phát triển văn hoá và ổn định chính trị xã hội, “Hễ nước nào tự đặt cho mình mục tiêu phát triển kinh tế mà tách rời môi trường văn hoá thì nhất định sẽ xảy ra những mất cân đối nghiêm trọng về cả mặt kinh tế lẫn văn hoá, và tiềm năng sáng tạo của các nước ấy sẽ bị suy yếu đi rất nhiều. Một sự phát triển chân chính đòi hỏi phải sử dụng một cách tối ưu nhân

lực và vật lực của mỗi cộng đồng. Vì vậy, suy đến cùng, các trọng tâm, các động lực và các mục đích của phát triển phải được đặt cơ sở trong văn hoá” [9, tr. 23]

Tuy nhiên, cho đến hiện nay, quan điểm này vẫn chưa được quán triệt một cách rõ ràng, nhất quán. Từ nay trở đi văn hóa cần coi mình là một nguồn cổ súy trực tiếp cho phát triển và ngược lại phát triển cần thừa nhận văn hoá giữ một vị trí trung tâm, một vai trò điều tiết xã hội.

1.3. Ở Việt Nam, mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: văn hoá chính là *cơ sở*, là *nền tảng*, là *động lực* cho sự phát triển xã hội, gắn các mục tiêu phát triển với tiến bộ và công bằng xã hội, hướng tới xây dựng nền văn hóa Việt Nam phát triển, tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Là một trung tâm kinh tế - xã hội ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên, thành phố Đà Nẵng đang có những chuyển biến mạnh mẽ về mọi mặt, hướng tới mục tiêu “xây dựng thành phố 5 không”, “thành phố 3 có” và về cơ bản trở thành một thành phố công nghiệp trước năm 2020. Bên cạnh những mục tiêu phát triển kinh tế, thành phố còn tích cực xây dựng những chiến lược phát triển văn hóa xã hội. Hướng tới việc giữ gìn, phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của thành phố nhằm nâng cao lòng tự hào về truyền thống quê hương. Gắn việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa với việc xây dựng các tuyến điểm du lịch. Đó chính là một sự vận dụng biện chứng của mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển trong điều kiện thực tiễn của thành phố, tạo ra những động lực mạnh mẽ cho sự phát triển toàn diện của Đà Nẵng trong tương lai. Với những lý do trên, chúng tôi chọn đề tài: **“Mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển trong việc xây dựng nếp sống văn hóa khu dân cư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”** làm luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển, từ thực trạng đời sống văn hóa khu dân cư ở thành phố Đà Nẵng. Luận văn xây dựng hệ thống các giải pháp để nhằm thực hiện nếp sống văn hóa cho cộng đồng khu dân cư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Để thực hiện các mục tiêu trên đây, nhiệm vụ của đề tài sẽ là:

- Trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa và phát triển.
- Tìm hiểu thực trạng đời sống văn hóa khu dân cư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- Đề xuất một số giải pháp để nâng cao đời sống văn hóa khu dân cư ở thành phố Đà Nẵng hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu:

- Mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển
- Nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng đời sống văn hóa khu dân cư ở thành phố Đà Nẵng

Phạm vi nghiên cứu:

Luận văn tập trung làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn giải quyết mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển thông qua “Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng dựng sống văn hóa*” và đề án “*Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị*” ở thành phố Đà Nẵng.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được tiến hành trên cơ sở lý luận và phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan

điểm chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về văn hóa và phát triển.

Ngoài ra, còn sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, hệ thống hóa, điều tra xã hội học...

5. Bộ cục đề tài

Ngoài Phần mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm thành 3 chương và 8 tiết

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển là một trong những vấn đề lý luận được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và tập trung bàn luận. Đây là một vấn đề có phạm vi ảnh hưởng rộng, nội dung đa dạng và có thể tiếp cận ở nhiều phương diện và chiều hướng khác nhau. Về lĩnh vực này, đã xuất hiện một số hội thảo cấp nhà nước bàn về mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển và nhiều công trình nghiên cứu khoa học cũng tiếp cận mối quan hệ này. Tuy nhiên, mỗi tác giả có những cách tiếp cận ở những khía cạnh khác nhau.

Về vấn đề văn hóa, tác giả Đào Duy Anh là người đầu tiên thực hiện việc tổng kết những di sản của văn hóa dân tộc một cách có hệ thống và sử dụng phương pháp khoa học trong công trình *Việt Nam văn hoá sử cương* (1938). Tác phẩm này là một cách tiếp cận về văn hoá dân tộc hoàn toàn mới dựa trên phương pháp khoa học. Trong tác phẩm, Đào Duy Anh đã xác định được đối tượng cũng như phương pháp nghiên cứu lịch sử văn hoá.

Theo Đào Duy Anh, nghiên cứu lịch sử văn hoá của dân tộc là nghiên cứu xem sự *hoạt động về các phương diện sinh hoạt* (văn hoá) của dân tộc xưa nay biến chuyển như thế nào. Ông cũng đưa ra giới thuyết về văn hoá như là một khái niệm công cụ để từ cấu trúc của khái niệm đó miêu tả, khái quát lịch sử văn hoá Việt Nam đã thể hiện tư duy nghiên cứu khoa học kiểu

phương Tây và rõ ràng chưa hề xuất hiện trong tất cả các công trình có liên quan đến văn hoá Việt Nam ra đời trước đó. Trong tác phẩm của mình, Đào Duy Anh đã trình bày khá toàn diện những nội dung của lịch sử văn hoá Việt Nam, giúp người đọc hình dung được diện mạo của văn hoá dân tộc. Với *Việt Nam văn hoá sử cương*, ông là người đầu tiên khái quát một cách hệ thống các đặc tính của văn hoá Việt Nam. Đồng thời, Đào Duy Anh cũng chỉ ra rằng, những đặc tính này không phải là bất biến, chúng được hình thành trong những điều kiện lịch sử, xã hội nhất định nên khi những điều kiện ấy thay đổi thì các giá trị đó không thể đứng yên được.

Sự ra đời của *Việt Nam văn hoá sử cương* là cái mốc đầu cho nghiên cứu lịch sử văn hoá Việt Nam, là một sự tổng kết tương đối toàn diện văn hóa dân tộc. Đó là một công việc hết sức cần thiết và có ý nghĩa cho công cuộc giao lưu, hội nhập với thế giới của nền văn hóa Việt Nam.

Cùng với Đào Duy Anh, giáo sư Nguyễn Văn Huyền cũng được coi là người đặt nền móng đầu tiên cho việc nghiên cứu nền văn hóa Việt Nam. Ông đã được Nhà nước ta truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về công trình *Góp phần nghiên cứu văn hoá Việt Nam* (2000), công trình nghiên cứu khoa học này đã nghiên cứu một cách sâu sắc và toàn diện về nền văn hóa nước ta, qua đó giới thiệu khái quát về bản sắc văn hóa dân tộc.

Nghiên cứu về văn hóa còn phải kể đến giáo sư Trần Quốc Vượng, ông được coi là một nhà văn hóa học tiêu biểu với nhiều tác phẩm xuất sắc bàn luận một cách chuyên sâu về văn hóa Việt Nam. Những nghiên cứu của ông đã góp phần định danh, làm rõ những đóng góp và giá trị tiêu biểu của các nền văn hoá, các thời đại văn hoá Việt Nam trong mối liên hệ và tương quan với môi trường văn hoá của khu vực và thế giới. Với một số tác phẩm đề cập tới lĩnh vực văn hóa như: *Cơ sở văn hóa Việt Nam ; Việt Nam, cái nhìn địa văn hóa* (1998); *Văn hóa Việt Nam- tìm tòi và suy ngẫm* (2000, 2003), *Con*

người - Môi trường - Văn hóa(2005). Nhìn chung, những tác phẩm của ông là những cách tiếp cận về lĩnh vực văn hóa trên phương diện của một nhà nghiên cứu đi tìm về cội nguồn văn hóa dân tộc và tìm hiểu những đặc trưng trong bản sắc văn hóa quê hương đồng thời đưa ra những ý kiến đánh giá để mọi người cùng *tim tòi* và *suy ngẫm* để thấy hết những giá trị tốt đẹp của nền văn hóa dân tộc.

Một trong những tác giả có vai trò quan trọng trong việc đưa ra hình ảnh khái quát về văn hóa Việt Nam mang đậm những giá trị, bản sắc đó chính là tác giả Trần Ngọc Thêm. Là một nhà nghiên cứu về văn hóa ông đã tìm hiểu những giá trị của nền văn hóa Việt Nam bằng cái nhìn *hệ thống - loại hình*, những giá trị văn hóa tiêu biểu, đặc sắc nhất. Thông qua những tác phẩm của mình như: *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (1995), *Tim về bản sắc văn hóa Việt Nam* (1996), *Bản sắc văn hóa Việt Nam...* Trần Ngọc Thêm đã hoàn thành được một công trình khảo cứu về văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam với những khái luận đặc sắc về văn hóa như đề cập tới khai niệm văn hóa, những đặc trưng cơ bản của văn hóa, và phân tích những ảnh hưởng của văn hóa trong đời sống xã hội của con người. Những tác phẩm của ông đã cung cấp cho các nhà nghiên cứu một chuyên khảo toàn diện, có hệ thống về văn hóa Việt Nam trong tiến trình phát triển.

Cùng viết về đề tài văn hóa còn có sự xuất hiện của nhiều tác giả khác như: Huỳnh Công Bá với tác phẩm *Cơ sở văn hóa Việt Nam* và *Cội nguồn và bản sắc văn hóa Việt Nam*. Nguyễn Thừa Hỷ có tác phẩm *Văn hóa Việt Nam truyền thống*. Vũ Ngọc Khánh với *Văn hóa Việt Nam những điều học hỏi*. Các tác phẩm của các tác giả trên nhìn chung đều tiếp cận những đặc điểm cơ bản của nền văn hóa Việt Nam từ đó đưa ra những đánh giá, tổng kết về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam.

Bàn về mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển, có nhiều công trình nghiên cứu tiêu biểu:

Tìm hiểu quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa và phát triển tác giả Đinh Xuân Lâm, Bùi Đình Phong, Học Viện Chính trị hành chính quốc gia Hồ Chí Minh với tập sách *“Văn hóa và triết lý phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh”*. Tác giả Đinh Xuân Lý, Phạm Ngọc Anh trong cuốn *“Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh”* đã phân tích về vấn đề văn hóa theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, qua đó lý giải về vấn đề phát triển văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn phát triển của nước ta theo tư tưởng của Bác. Cũng đưa ra những vấn đề về văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh tác giả Đinh Xuân Lý có bài viết *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa và xây dựng con người mới”*, bài viết đề cập tới nội dung phát triển văn hóa theo tư tưởng của Bác, đồng thời phân tích mối liên hệ của văn hóa với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội từ đó đưa ra quan điểm xây dựng nền văn hóa mới phù hợp với điều kiện lịch sử của đất nước.

Trên cơ sở luận bàn về mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển, xây dựng hệ thống quan điểm về vấn đề văn hóa, và phân tích mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa và phát triển trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay, tác giả Trường Lưu chủ biên tác phẩm *“Văn hóa và phát triển”*. Trong đó đề cập tới một số bài viết của một số tác giả về lĩnh vực văn hóa và phát triển như tác giả Thành Duy có bài viết *“Văn hóa Việt Nam trong phát triển của xã hội Việt Nam”*. Tác giả Nguyễn Văn Huyền có bài *“Giá trị văn hóa ưu trội trong mối quan hệ của chúng với phát triển”*. Trần Văn Bình với *“Văn hóa dân tộc thời kỳ mở cửa”*. Nhìn chung, những tác giả trên đều phân tích sự ảnh hưởng của văn hóa tới quá trình phát triển kinh tế xã hội Việt Nam, đồng thời phân tích sự tác động của quá trình hội nhập phát triển kinh tế tới sự bền vững của nền văn hóa dân tộc.

Đánh giá về sự ảnh hưởng của văn hóa trong quá trình phát triển và hội nhập kinh tế hiện nay ở nước ta, đồng thời phân tích những tác động của hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa tới nền văn hóa Việt Nam và đặt ra những thách thức cho việc nền văn hóa trong Việt Nam, tác giả Nguyễn Chí Bền đã biên soạn cuốn sách *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*. cũng bàn về vấn đề này tác giả Nguyễn Ngọc Hòa có bài viết “*Những thách thức trong giao lưu văn hóa và hội nhập hiện nay*” đăng trên Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật (số 327, tháng 9 /2011). Và tác giả Nguyễn Văn Dân có bài “*Văn hóa và phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa*” đề cập tới ảnh hưởng của văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa ở nước ta. Tác giả Lê Hữu Ái với đề tài nghiên cứu khoa học Cấp Bộ , “*Ảnh hưởng của văn hóa truyền thống đến phát triển kinh tế Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa*”, năm 2010.

Bàn về mối quan hệ về văn hóa và phát triển trên cơ sở quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề phát triển nền văn hóa Việt Nam trong giai đoạn kinh tế thị trường hiện nay có bài viết của tác giả Vũ Ngọc Am, “*Vai trò của văn hóa trong tiến trình phát triển đất nước*”. và tác giả Mai Hải Oanh, “*Quan điểm phát triển văn hóa trong văn kiện đại hội Đảng lần thứ XI và vấn đề đổi mới văn hóa ở nước ta*”, đăng trên Tạp chí Cộng sản, và bài viết của cố thủ tướng Phạm Văn Đồng, “*Văn hóa và đổi mới*”.

Trên cơ sở phân tích đường lối phát triển văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước tác giả Nguyễn Duy Bắc có bài viết “*Tư duy lý luận về văn hóa và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới*”.

Viết về vấn đề văn hóa ở thành phố Đà Nẵng, có nhiều bài viết và nhiều công trình nghiên cứu tiêu biểu, đánh giá khái quát được những đặc điểm của nền văn hóa cộng đồng dân cư của thành phố.

Trong Báo cáo kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII) “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Tác giả Bùi Công Minh có bài viết: *“Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở thành phố Đà Nẵng”*

Bàn về hoạt động phát triển văn hóa cơ sở, tác giả Nguyễn Đình An có bài viết: *Một vài ý kiến về cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư” tại thành phố Đà Nẵng*. Bài viết đã đề cập tới những chuyển biến về đời sống văn hóa ở khu dân cư ở thành phố sau khi thực hiện cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư”*.

Viết về vấn đề xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, tác giả Bùi Chí Loan viết bài: *Gắn cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa với phong trào xây dựng đời sống văn hóa đạt hiệu quả cao*. Bài viết đã cho thấy những chuyển biến rõ nét về đời sống văn hóa trong dân cư, đồng thời đánh giá những kết quả đạt được trong việc xây dựng đời sống văn hóa cho nhân dân.

Đánh giá những kết quả của phong trào xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư ở Đà Nẵng, tác giả Tạ Quang Duật có bài viết: *Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư” đã thấm vào cuộc sống*. Bài viết phản ánh những chuyển biến tích cực của đời sống văn hóa của địa phương khi triển khai phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở,

Trên cơ sở kế thừa và phát triển những nghiên cứu của các tác giả đi trước, đề tài đi sâu nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa và phát triển trong giai đoạn phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam hiện nay. Đặc biệt đề tài muốn đi sâu phân tích mối quan hệ biện chứng tác động qua lại giữa văn hóa và phát triển trên bình diện lý luận. Đồng thời, thông qua cơ sở lý luận của mối quan hệ này để liên hệ với thực tiễn ở địa phương là phạm vi thành phố Đà Nẵng để thấy rõ mối quan hệ đó tác động tới đời sống kinh tế xã hội và chiến lược phát triển của Đà Nẵng hiện nay.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN

1.1. VĂN HÓA VÀ VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA

1.1.1. Khái niệm văn hóa

Khi nói về khái niệm văn hóa và bàn về bản sắc văn hóa Việt Nam đã có rất nhiều các nhà nghiên cứu quan tâm và đưa ra những cách luận giải khác nhau. Một số nhà nghiên cứu cho rằng: “Bản sắc văn hóa có nghĩa là: Bản là cái gốc, cái căn bản, cái lõi, cái hạt nhân của một vật (vật ở đây hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả người, động vật, thực vật, đồ vật, các chất, những khái niệm trừu tượng...). Sắc là cái thể hiện ra bên ngoài của vật đó. Vì thế khi nói bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam tức là nói những giá trị gốc, căn bản, cốt lõi, những giá trị hạt nhân của dân tộc Việt Nam được thể hiện qua đời sống hiện tại của con người Việt Nam trên mọi lĩnh vực...”

Đề cập tới khái niệm văn hóa, Edouard Herriot nhà nghiên cứu văn học người Pháp đã đưa ra định nghĩa về văn hóa, ông cho rằng: “Văn hóa là tất cả cái còn lại khi người ta đã quên đi tất cả, là cái vẫn thiếu khi người ta đã học tất cả”

C. Mác cho rằng “Văn hóa là toàn bộ những thành quả được tạo ra nhờ hoạt động lao động sáng tạo của con người - hoạt động sản xuất vật chất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực của con người.

Trong tiếng Việt, văn hóa được dùng theo nghĩa thông dụng để chỉ học thức (trình độ văn hóa), lối sống (nếp sống văn hóa), còn theo nghĩa chuyên biệt, văn hóa dùng để chỉ trình độ phát triển của một giai đoạn (ví dụ: văn hóa Đông Sơn, văn hóa Óc Eo....), theo nghĩa rộng thì văn hóa bao gồm tất cả, từ

những sản phẩm vật chất cho đến những giá trị tinh thần và các hoạt động khác...

Theo Phạm Văn Đồng, văn hóa là “hiểu biết, khám phá và sáng tạo”, “là quá trình con người và cộng đồng con người ở từng nơi và ở mọi nơi đoàn kết và phấn đấu cho biết bao gian khổ và hy sinh để từng bước, từng phần khẳng định mình từng bước, từng phần thoát khỏi thân phận bị tha hóa, dần dần trở thành con người tự do”

Từ những đánh giá của các nhà nghiên cứu đã hình thành quan niệm đầy đủ về bản chất của văn hoá. Nếu trước đây khái niệm văn hoá chỉ được hiểu theo nghĩa hẹp trong giới hạn các hoạt động văn học, nghệ thuật thì ngày nay văn hoá được hiểu theo nghĩa rộng là tổng thể các hệ thống giá trị bao gồm các mặt tình cảm, tri thức, vật chất và tinh thần của xã hội do con người sáng tạo ra trong hoạt động thực tiễn - lịch sử của mình, trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và xã hội

Với những cách tiếp cận nêu trên về văn hóa các nhà nghiên cứu đã tổng kết những bản chất và thuộc tính của văn hóa, cụ thể:

Thứ nhất, văn hóa là do con người sáng tạo ra.

Thứ hai, văn hóa là sự thể hiện thái độ của con người đối với thế giới bên ngoài và thế giới bên trong của chính họ thông qua các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong đời sống nhằm đáp ứng yêu cầu của sự sinh tồn.

Thứ ba, văn hóa là phương thức, cách thức con người tồn tại trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên, xã hội và chính bản thân con người.

Trong lễ phát động: “Thập kỷ thế giới phát triển văn hoá” (Pari - tháng 12/1986) Ông F. Mayor Tổng giám đốc UNESCO đã cho rằng: “*Văn hoá là tổng thể sống động các hoạt động sáng tạo (của các cá nhân và các*

cộng đồng) trong quá khứ và trong hiện tại. Qua các thế kỷ, hoạt động sáng tạo ấy đã hình thành nên các giá trị, các truyền thống và các thị hiếu - những yếu tố xác định đặc tính riêng của mỗi dân tộc” [23, tr.32]

Nghiên cứu về vấn đề văn hóa và nhận thấy những tác động tích cực của văn hóa tới các lĩnh vực của đời sống xã hội, đưa ra những lý giải về văn hóa một cách cụ thể và gần gũi hơn với con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra quan niệm về văn hóa: “Vi lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày như ăn, mặc, ở, và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn..”[34,tr.461].

Trong cuốn *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, tác giả Trần Ngọc Thêm cho rằng: Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình.

Tóm lại, *Văn hóa là hệ thống giá trị vật chất và tinh thần do lao động của người sáng tạo ra, được cộng đồng khẳng định tích lũy lại, tạo ra bản sắc riêng của từng tộc người, từng xã hội.* Trong Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII), Đảng ta khẳng định: Văn hóa Việt Nam là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng các dân tộc Việt Nam sáng tạo ra trong quá trình dựng nước và giữ nước..., là kết quả giao lưu và tiếp thu tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình.

1.1.2. Các quan điểm về văn hóa

a. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về văn hóa

Trong toàn bộ các tác phẩm kinh điển đồ sộ của mình, C. Mác không để lại một tác phẩm nào với tư cách là sự trình bày hệ thống các quan điểm của mình về văn hóa. Văn hóa không được Mác đề cập như một lĩnh vực nghiên cứu chuyên biệt, độc lập. Nhưng toàn bộ tư tưởng của Mác về vấn đề này tự nó lại được khái quát lên và thể hiện ra trong hệ thống các quan điểm duy vật biện chứng của Mác về con người và xã hội. Trong triết học Mác, bản chất của văn hóa được thể hiện trong mối quan hệ biện chứng với bản chất của con người và xã hội.

Trên cơ sở những quan điểm về con người, bản chất con người và sự tồn tại của con người, Mác đã đưa ra những quan niệm về văn hóa. Trong quá trình tồn tại và phát triển con người cần phải dựa và tự nhiên, và tự nhiên được coi là yếu tố đầu tiên góp phần vào sự phát triển của con người. Bên cạnh yếu tố tự nhiên thì văn hóa có thể coi là nhân tố thứ hai. Mác đưa ra quan điểm "bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội", với ý nghĩa đó, tự nhiên được coi là yếu tố ban đầu quy định sự tồn tại của con người với tư cách là một thực thể sinh học. Ở phương diện này, con người phải phụ thuộc vào tự nhiên và tác động vào tự nhiên để duy trì sự tồn tại của mình. Nhân tố thứ hai giúp cho con người bộc lộ năng lực và phát huy bản chất con người, đồng thời là nhân tố gắn bó mật thiết tới đời sống của con người đó chính là văn hóa.

Như vậy, văn hóa là sự kết tinh năng lực bản chất người trong thế giới các sản phẩm do chính hoạt động con người tạo ra, là cái quy định bản chất con người với tư cách là một "sinh vật có tính loài" - là "một thực thể xã hội". Nói cách khác, văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra bằng lao động và hoạt động thực tiễn trong quá trình thực

tiền của mình biểu hiện trình độ phát triển xã hội trong từng thời kỳ lịch sử nhất định.

Triết học Mác đã đưa ra khái niệm về văn hóa: Văn hóa là khái niệm phản ánh tổng thể sự thể hiện ra và sự phát huy những năng lực bản chất người trong tất cả các dạng thức tồn tại hoạt động của con người và là sự phản ánh tổng thể các hệ thống giá trị do con người sáng tạo ra trong quá trình thực tiễn - lịch sử - xã hội của mình.

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định, văn hóa vật chất là năng lực sáng tạo của con người được thể hiện và kết tinh trong sản phẩm vật chất, còn văn hóa tinh thần là tổng thể các tư tưởng, lý luận và giá trị được sáng tạo ra trong đời sống tinh thần và hoạt động tinh thần của con người.

Đề cập tới vai trò của văn hóa trong phát triển xã hội, Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định nói tới văn hóa là nói tới con người, nói tới việc phát huy những năng lực thuộc bản chất của con người nhằm hoàn thiện con người. Do đó văn hóa có mặt trong mọi hoạt động của con người, trên mọi lĩnh vực hoạt động thực tiễn và sinh hoạt tinh thần của xã hội.

Đặc biệt, khi khẳng định những ảnh hưởng của văn hóa đối với đời sống xã hội của con người, Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng nhấn mạnh sự phát triển của văn hóa bao giờ cũng chịu sự chi phối của cơ sở kinh tế, chính trị của mỗi chế độ xã hội, do vậy nếu tách rời khỏi cơ sở kinh tế và chính trị sẽ không thể hiểu được nội dung và bản chất của văn hóa. Vì vậy, văn hóa trong xã hội có giai cấp bao giờ cũng mang bản chất giai cấp, đây cũng là quy luật của xã hội có giai cấp, bởi vì phương thức sản xuất tinh thần, văn hóa, không thể phản ánh và không bị chi phối bởi phương thức sản xuất vật chất.

Có thể nói, Chủ nghĩa Mác - Lênin đã có những đánh giá rất toàn diện về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của con người, từ đó nhấn mạnh phát

triển văn hóa là yếu tố nền tảng của xã hội là một việc làm phù hợp theo đúng quy luật khách quan.

b Quan điểm của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa

****. Quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa***

Theo Hồ Chí Minh văn hóa có vai trò to lớn trong đời sống xã hội của quốc gia dân tộc, nó là kiến trúc thượng tầng của xã hội, do vậy muốn xây dựng xã hội theo hướng phát triển, xóa bỏ những tàn dư của chế độ xã hội cũ, thủ tiêu những tàn tích tiêu cực, lạc hậu của chế độ phong kiến phi phải cần có yếu tố văn hóa. Hồ Chí Minh đã từng nói “thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩa, và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng nghìn năm...chúng ta phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc”

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa đã thể hiện một cái nhìn vừa toàn diện, vừa sâu sắc về nguồn gốc lịch sử của văn hoá, về phạm vi rộng lớn của văn hoá, về mặt biểu hiện của văn hoá trong đời sống và toàn bộ sinh hoạt của con người.

Nguồn gốc của văn hoá, theo Hồ Chí Minh là do nhu cầu sinh tồn và mục đích đời sống của con người. Con người không thể tồn tại nếu như không có khả năng sáng tạo và phát minh ra văn hoá nhằm đối phó với những thử thách của thiên nhiên và xã hội.

Về phạm vi và nhân tố cấu thành văn hoá, Hồ Chí Minh xem xét cả hai mặt vật chất và tinh thần.

Về mặt tinh thần đó là ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học nghệ thuật.

Về mặt vật chất đó là những công cụ của sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng những công cụ ấy.

Quan điểm toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh về văn hoá có ý nghĩa cực kỳ lớn lao trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc khi mà Đảng ta xác định: “Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội”.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa từ lâu đã trở thành kim chỉ nam của Đảng trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc và hướng tới xây dựng nền văn hóa mới phù hợp với mục tiêu phát triển của đất nước. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá được thể hiện:

Một là: văn hóa vừa là động lực, vừa là mục tiêu của cách mạng.

Hai là: cần phải giữ gìn và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Ba là: chủ trương xây dựng nền văn hóa mới theo hướng dân tộc, khoa học và đại chúng.

Bốn là: văn hóa có mối liên hệ trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội.

Có thể nói rằng, hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa vô cùng phong phú và đa dạng, đó là nền văn hóa gắn với truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc. nền văn hóa đa dạng gắn liền với từng lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội bao gồm: văn hóa giáo dục, văn hóa văn nghệ, văn hóa báo chí, văn hóa chính trị và văn hóa đời sống. Điều đó có nghĩa rằng sức mạnh của văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh nó phản ánh tất cả mọi mặt trong đời sống của con người và nó có sự tác động, ảnh hưởng rất lớn tới hành động của con người. Do vậy, việc giữ gìn và phát triển các giá trị của văn hóa là một yêu cầu tất yếu của xã hội nhằm hướng tới sự phát triển bền vững của cộng đồng.

* *Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa*

❖ *Thời kỳ trước đổi mới*

Quan điểm về văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng từ những năm đầu khi Bác Hồ về nước và xây dựng căn cứ kháng chiến ở Tân Trào, quan điểm về việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam đã được cụ thể hóa trong “*Đề cương văn hóa Việt Nam*” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng do Trường Chinh biên soạn. Trong đó xác định văn hóa cũng là một mặt trận giống như kinh tế và chính trị, đồng thời đưa ra mục tiêu xây dựng nền văn hóa mới ở Việt Nam đó là nền văn hóa mang tính dân tộc, khoa học và đại chúng.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta, lĩnh vực văn hóa đã trở thành nhân tố quan trọng đóng góp vào sự thành công của cuộc cách mạng. Do vậy nhiệm vụ của nền văn hóa kháng chiến là nền văn hóa gắn liền với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, nền văn hóa cổ vũ cho phong trào giải phóng đất nước.

Sau năm 1954 khi cuộc kháng chiến chống Pháp thành công, hòa bình lập lại ở miền Bắc, còn miền Nam tiếp tục nhiệm vụ kháng chiến chống đế quốc Mỹ, thống nhất đất nước. Do vậy, đường lối phát triển văn hóa của Đảng và Nhà nước ta cũng có sự thay đổi kịp thời cho phù hợp với tình hình mới. Đại hội Đảng toàn quốc lần III (9/1960) đã xác định nhiệm vụ cơ bản cho nền văn hóa nước nhà: “Thực hiện cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa; chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hóa mới, con người mới. Mục tiêu là làm cho nhân dân thoát nạn mù chữ và thói hư tật xấu do xã hội cũ để lại, có trình độ văn hóa ngày càng cao, có hiểu biết cần thiết về khoa học, kỹ thuật tiên tiến để xây dựng chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa”. [8, tr.124]

Sau năm 1975, đất nước thống nhất, non sông thu về một mối, nhiệm vụ phát triển văn hóa có sự thay đổi cho phù hợp với tình hình mới và thực tiễn xã hội đất nước. “Nhiệm vụ văn hóa quan trọng trong giai đoạn này là tiến hành cải cách giáo dục trong cả nước, phát triển mạnh khoa học, văn hóa nghệ thuật, giáo dục tinh thần làm chủ tập thể, chống tư tưởng tư sản và tàn dư tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, xóa bỏ ảnh hưởng của tư tưởng, văn hóa thực dân mới ở miền Nam” [8, tr.154]

❖ *Trong thời kỳ đổi mới*

Trong công cuộc đổi mới, Đảng ta luôn coi trọng văn hoá, giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ. Các văn kiện Hội nghị Trung ương khoá VII, VIII, IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh cần phải:

“Xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú, đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ khẳng định và biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những quan điểm thấp kém; khẳng định tiếp tục tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và những

giá trị cao quý của con người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội” [8, tr. 154]

Nắm bắt được tinh thần của thời đại và dựa trên thực tiễn của đất nước, Đại hội lần thứ XI của Đảng yêu cầu "Phát triển văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển"[21, tr.40]; "Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân"[21, tr.98]; "Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa xã hội hài hòa với phát triển kinh tế"[21, tr.124]. Tuy nhiên, Đảng ta cũng thẳng thắn nhận thấy: "Văn hóa phát triển chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế" [21, tr.169]. Như vậy, tại Đại hội lần này, Đảng ta đã khẳng định về mặt lý luận: đổi mới văn hoá chính là phát triển văn hóa hài hòa với phát triển kinh tế. Điều đó có nghĩa là việc đổi mới văn hoá không chỉ liên quan đến sự phát triển tự thân của văn hoá mà còn quan hệ sâu sắc đến kinh tế. Từ quan điểm phát triển mới của Đảng, chúng ta cần phải xác định chính xác vai trò của văn hóa trong phát triển, sự thâm nhập của văn hóa vào mọi lĩnh vực của đời sống, làm sao để văn hóa ngày càng gắn bó chặt chẽ hơn với kinh tế, tạo nên sự hài hòa thực sự trong chiến lược phát triển đất nước.

Bên cạnh việc tiếp thu tinh hoa tốt đẹp của văn hoá nhân loại, Đảng ta đã cho rằng, bản sắc văn hoá dân tộc là trụ cột của sức mạnh văn hoá. Truyền thống văn hoá cùng với tinh thần dân tộc là nguồn tài nguyên của dân tộc và đất nước. Trong lịch sử hàng chục thế kỷ chống ngoại xâm của dân tộc ta, nguồn lực quan trọng nhất trong truyền thống văn hoá là tinh thần yêu nước, chủ nghĩa yêu nước. Từ khi ra đời, Đảng ta đã động viên, phát huy cao độ tinh thần yêu nước để giành và giữ vững nền độc lập dân tộc gắn liền với xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Đảng ta luôn nhấn mạnh việc giữ gìn và phát

huy bản sắc văn hoá dân tộc phải đi đôi với việc tiếp thu tinh hoa của văn hoá nhân loại, nhấn mạnh tính dân tộc đồng thời với tính khoa học và đại chúng, tính tiên tiến gắn với bản sắc dân tộc đậm đà. Đó chính là bản lĩnh, bản sắc văn hoá Việt Nam, sức mạnh của văn hoá Việt Nam là nền tảng, động lực và mục tiêu của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII đã xác định nhiệm vụ: “Mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn với thi đua yêu nước và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Phong trào này đã nhanh chóng được triển khai sâu rộng và sáng tạo, góp phần làm cho đời sống chính trị ổn định, kinh tế phát triển, giảm bớt các hộ đói nghèo, giảm các tệ nạn xã hội, phát huy được tình làng nghĩa xóm, làm đẹp cảnh quan môi trường, làm cho đời sống văn hoá tinh thần ngày càng phong phú hơn.

Hiện nay, trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới, chúng ta nhận thức sâu sắc rằng toàn cầu hoá là cơ hội để văn hoá Việt Nam học hỏi và phát huy các giá trị của mình. Song, chúng ta cũng đối mặt với các thách thức to lớn của quá trình toàn cầu hoá đối với các giá trị truyền thống dân tộc. Logic tồn tại của nền văn hoá dân tộc hiện nay đang diễn ra trong hai quá trình: quá trình đẩy nhanh sự hợp tác trao đổi và quá trình gia tăng bản sắc của dân tộc. Hai quá trình này thống nhất biện chứng trong quá trình toàn cầu hoá. Chúng ta nhất thiết phải mở cửa, phải hội nhập để đón nhận những giá trị mới của nhân loại, đó là lẽ sống còn của dân tộc nhưng mở cửa để hội nhập và phát triển, mở cửa phải giữ vững nền độc lập dân tộc và gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giữ được cơ cấu và giá trị nội sinh của văn hoá dân tộc.

Trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới và trong xu thế toàn cầu hoá, các quan hệ kinh tế sẽ mang lại sự hưởng thụ các sản phẩm vật chất và tinh thần của nhân loại dễ dàng, tiện nghi thuận lợi hơn song nó có khả năng thúc

đầy lối sống tiêu thụ thực dụng, làm tha hoá nhân cách, làm rối loạn những giá trị xã hội, nó phá vỡ sự cân bằng của môi trường truyền thống, nó thương mại hoá không ít các hoạt động văn hoá và quan hệ xã hội. Hệ giá trị làng xã Việt Nam với một cơ cấu cộng đồng bền chặt đang phải thử thách trước làn sóng đầu tư trong quá trình toàn cầu hoá. Các mối quan hệ trong gia đình, làng xóm có phần lỏng lẻo dần. Khát vọng làm giàu của các thế hệ đặc biệt là thanh niên đang gia tăng trước thời cơ và vận hội này với không ít lệch lạc làm thay đổi cơ cấu giá trị của nền kinh tế cũ để chuyển sang nền kinh tế thị trường.

Việt Nam đã tham gia hội nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), tham gia Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) nhằm liên kết các giá trị khu vực và quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và khu vực hoá gia tăng mạnh mẽ. Chúng ta cũng bước đầu xây dựng một chiến lược giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

Trong chiến lược này, văn hoá được coi là *nền tảng* tinh thần của xã hội, văn hoá vừa là *mục tiêu*, vừa là *động lực* của sự phát triển kinh tế-xã hội. Để Việt Nam phát triển được trong quá trình toàn cầu hoá, trước hết phải quan tâm xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Nền văn hoá đó xác lập hệ giá trị cơ bản là yêu nước và tiến bộ với nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm định hướng và thước đo giá trị.

Các giá trị văn hoá là nhân tố tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần thay đổi nếp nghĩ, cách làm, kích thích sáng tạo, năng động trong nền kinh tế thị trường nhưng bên cạnh đó những phản giá trị như chủ nghĩa cá nhân, lối sống tiêu thụ ... xuất hiện đã làm thay đổi bản chất nhân cách của con người và các quan hệ xã hội, kích thích chủ nghĩa cá nhân, tính vị

kỳ... Hơn lúc nào hết, văn hoá phải góp phần bảo vệ và phát huy những giá trị văn hoá đích thực để thúc đẩy và hướng dẫn sự phát triển và hoàn thiện nhân cách của con người trước những thách thức của toàn cầu hoá và kinh tế thị trường.

Nếu chúng ta cho rằng văn hoá là hệ thống các giá trị, các truyền thống, các thị hiếu và lối sống được các cộng đồng sáng tạo nên qua lịch sử phát triển hàng thế kỷ, dựa vào đó từng dân tộc khẳng định bản sắc riêng của mình, thì rõ ràng văn hoá không đứng ngoài mà nằm ở trong, là nhân tố nội sinh của sự phát triển kinh tế - xã hội. Văn hoá với vai trò của mình làm nền tảng và định hướng cho cái đúng, cái hay, cái đẹp trong tư duy của nhà chiến lược, trong suy nghĩ của nhà hoạch định chính sách, trong hành vi ứng xử của doanh nhân, trong ngoại giao và trong hoạt động du lịch...

Từ Đại hội VI (1986) đến nay, nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường, mở rộng kinh tế đối ngoại, bước vào ngưỡng cửa của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Muốn thực hiện được tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới, điều quan trọng trước tiên là phải phát huy nguồn lực văn hoá, nâng cao trình độ văn hoá của toàn dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra những quan điểm cơ bản chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hoá trong thời kỳ đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cụ thể là:

Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Nền văn hoá mà chúng ta cần xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc mang nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hoá của nhân loại.

Nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng của một quốc gia dân tộc thống nhất; tổng hoà các tinh hoa văn hoá của các dân tộc anh em cùng chung sống trên mảnh đất Việt Nam.

Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là sự nghiệp sáng tạo của toàn dân do Đảng lãnh đạo, đội ngũ trí thức gắn bó với nhân dân là lực lượng quan trọng.

Có chính sách đầu tư thích đáng cho văn hoá, văn nghệ, khoa học, giáo dục..., coi đầu tư cho văn hoá là đầu tư cho phát triển. Phát triển các hoạt động văn hoá, văn nghệ của Nhà nước, tập thể và các cá nhân bảo đảm định hướng chính trị của Đảng và Nhà nước, đồng thời bảo đảm quyền tự do sáng tạo của các nhà hoạt động văn hoá...

Trong kết luận Hội nghị Trung ương 10 khoá IX của Đảng ta đã một lần nữa khẳng định: “Đảm bảo sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hoá - nền tảng tinh thần xã hội... bảo đảm cho sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước” [25, tr.4]. Điều này đã cho thấy Đảng ta rất đề cao vấn đề xây dựng và phát triển văn hóa, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay thì vấn đề đặt ra cho chúng ta đó là giữ gìn và bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại hướng tới xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

1.1.3. Vai trò của văn hóa

Trước đây do thiếu hiểu biết, nhiều người vẫn giữ quan niệm cho rằng: Văn hoá như là một lĩnh vực đứng ngoài kinh tế, bị quy định bởi kinh tế, chỉ khi kinh tế phát triển thì mới có điều kiện mở mang các hoạt động văn hoá, nâng cao đời sống tinh thần của con người. Với quan niệm đó, văn hoá được

coi như là một hoạt động có tính giải trí, khi kinh tế còn khó khăn thì ít người quan tâm đến văn hoá, và rõ ràng trong điều kiện đó thì người ta không thể nhận thấy vai trò của văn hoá đối với phát triển kinh tế.

Trong thời gian gần đây, từ việc xem xét sự phát triển của nhiều quốc gia mà đặc biệt là các quốc gia ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, người ta đã tìm thấy những dấu ấn và đặc trưng văn hoá trong phát triển của các quốc gia đó. Thực tế đó đã khiến người ta không chỉ thừa nhận sự tác động của các yếu tố văn hoá vào quá trình phát triển kinh tế, mà còn đi sâu xem xét vai trò của văn hoá cũng như tầm quan trọng của việc đưa các yếu tố văn hoá vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Văn hoá và kinh tế có sự gắn bó tác động biện chứng với nhau. Kinh tế phải bảo đảm được nhu cầu sống tối thiểu của con người sau đó mới đảm bảo điều kiện cho văn hoá phát triển. Kinh tế không thể phát triển nếu không có một nền tảng văn hoá, đồng thời văn hoá không chỉ phản ánh kinh tế mà còn là nhân tố tác động đến phát triển kinh tế. Sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc chỉ có thể năng động, hiệu quả, bền vững chừng nào quốc gia đó đạt được sự phát triển kết hợp hài hoà giữa kinh tế với văn hoá.

Văn hoá mang tính đặc thù của từng quốc gia, từng dân tộc, là những di sản quý báu tích lũy được qua nhiều thế hệ, mang đậm bản sắc của quốc gia, dân tộc đó. Nhưng đồng thời với quá trình phát triển, kế thừa và giữ gìn bản sắc riêng đó, nó còn tiếp thu những tinh hoa văn hoá của các quốc gia, dân tộc khác, làm cho văn hoá vừa đậm đà bản sắc dân tộc, vừa có tính thời đại phù hợp với sự phát triển kinh tế trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ và xu thế toàn cầu hoá ngày càng mạnh mẽ.

Thực tế cho thấy, vai trò của văn hoá trong hoạt động kinh tế ngày càng được nâng cao, văn hoá khơi dậy mọi tiềm năng sáng tạo của con người, quyết định sự tăng trưởng nhanh và bền vững.

Ở Việt Nam, sự phát triển kinh tế - xã hội là sự phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, vì vậy cần nhận thức sâu sắc hơn vị trí, vai trò của văn hoá trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thực tế, khủng hoảng diễn ra ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa trong thời gian qua đã cho thấy thế giới đã đặt không đúng vị trí của văn hoá trong phát triển, có những quan niệm không đúng về cách mạng văn hoá và tư tưởng: Văn hoá thường được xem là yếu tố đứng ngoài kinh tế, tùy thuộc vào kinh tế. Quá trình phát triển văn hoá vì thế lệ thuộc vào kinh tế, được hoạch định như chính sách xã hội. Mặt khác, cách mạng văn hoá được coi như là cách mạng chính trị, do đó những cuộc cách mạng văn hoá và tư tưởng thường bị biến dạng thành những cuộc đấu tranh chính trị đơn thuần như chúng ta đã thường thấy ở một số nước... Thực tế này đòi hỏi phải có nhận thức mới về vai trò của văn hoá trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói rằng, văn hóa chính là toàn bộ sáng tạo và phát minh của con người trong lịch sử, nó có tính hệ thống, bao gồm một phức hợp nhiều mặt, không chỉ là những kiệt tác tuyệt vời trong các lĩnh vực và sáng tạo nghệ thuật, mà còn là tất cả những gì làm cho dân tộc này khác dân tộc khác, từ những sản phẩm tinh vi hiện đại nhất cho đến tín ngưỡng, phong tục tập quán, lối sống, quyền cơ bản của con người, những hệ thống giá trị về tư tưởng, đạo đức, lối sống. Ngoài ra văn hóa có tính giá trị, có nghĩa "văn hóa trở thành đẹp, có giá trị" trong đời sống xã hội. Văn hóa chứa cái đẹp, cái giá trị, là thước đo mức độ nhân bản của con người, cộng đồng và xã hội trong mối quan hệ giữa con người với con người, con người với xã hội và con người với môi trường thiên nhiên.

Văn hóa có bề dày lịch sử và tính dân tộc, thể hiện ở chỗ bao giờ nó cũng hình thành trong một quá trình lịch sử và được tích lũy qua nhiều thế hệ. Văn hóa có vai trò và sứ mệnh to lớn. Văn hóa là động lực của sự phát triển

và nằm ngay trong quá trình phát triển. Văn hóa đem lại cho con người khả năng suy xét về bản thân, làm cho chúng ta trở thành những sinh vật đặc biệt nhân bản, có lý tính, có óc phê phán và dẫn thân một cách đạo lý. Chính nhờ văn hóa mà con người tự thể hiện, tự ý thức được bản thân, tự biết mình là một phương án chưa hoàn thành, một con người chưa hoàn thiện để phấn đấu không ngừng, vươn tới các giá trị về *Chân, Thiện, Mỹ*.

Cuối cùng, nói đến văn hóa là nói đến phương thức sử dụng các công cụ sinh hoạt, bao gồm các công cụ sinh hoạt về kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội. Chẳng hạn, những điều kiện vật chất của xã hội như đường xá, cầu cống, trường học, cái ăn, cái mặc, nhà ở, phương tiện đi lại....là thể hiện một trình độ văn minh nhất định, nhưng con người đi lại như thế nào được coi là văn hóa giao thông. Hoặc con người ăn, mặc, ở như thế nào là thuộc phạm trù văn hóa.

Trong lĩnh vực xã hội, Nhà nước ra đời là một thành quả của cách mạng, dấu ấn của một trình độ văn minh. Nhưng nhà nước quản lý xã hội như thế nào lại thuộc phạm trù văn hóa, gọi là văn hóa quản lý. Đảng nắm chính quyền như một công cụ sinh hoạt về chính trị, là một nấc thang về văn minh, nhưng Đảng sử dụng quyền lực đó như thế nào lại thuộc phạm trù văn hóa chính trị, văn hóa lãnh đạo.

Văn hóa là sản phẩm do con người sáng tạo ra trong quá trình sản xuất là sản phẩm tinh thần phong phú và đa dạng có tác dụng chi phối quá trình hoạt động và phát triển của con người. Nhờ có văn hóa làm cho đời sống tinh thần của con người ngày càng hoàn thiện hơn, xóa bỏ những trạng thái nguyên sơ của thờ ban đầu tiến hóa từ vượn thành người và bồi đắp bổ sung những giá trị văn hóa mới, những truyền thống văn hóa tiến bộ, không ngừng phát triển những giá trị tinh thần trong sinh hoạt xã hội và hình thành nên những bản sắc

văn hóa, và truyền thống văn hóa phản ánh trình độ của con người, nói một cách khái quát văn hóa chính là mục tiêu của sự phát triển.

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, đối với đời sống xã hội của con người thì đời sống vật chất và đời sống tinh thần luôn song song tồn tại và đồng hành với nhau, chi phối sự hoạt động của con người. Nếu như đời sống vật chất đáp ứng những nhu cầu sinh hoạt cho con người, làm cho cuộc sống của con người thoải mái và tiện nghi hơn, thì đời sống tinh thần lại là nhân tố nâng đỡ tâm hồn con người. Con người cần phải có đời sống tinh thần phong phú và sáng tạo thì mới tạo ra những động lực thúc đẩy sự phát triển trong tất cả những lĩnh vực của đời sống. Đối với con người bản chất nhân văn, nhân đạo của mỗi cá nhân cũng như của cả cộng đồng được bồi dưỡng; phát huy trở thành giá trị cao quý và chuẩn mực tốt đẹp của toàn xã hội.

1.2. PHÁT TRIỂN VÀ VAI TRÒ CỦA PHÁT TRIỂN

1.2.1. Khái niệm về phát triển

Phát triển là quá trình tăng trưởng về kinh tế cùng với tiến bộ về xã hội theo hướng ngày càng hoàn thiện hơn hướng tới việc tiếp cận các giá trị chân thiện mỹ, nâng cao đời sống toàn diện cho con người.

Phát triển là những hoạt động của một quốc gia, không chỉ bao hàm sử dụng, khai thác, và phát huy các tài nguyên thiên nhiên sẵn có của một quốc gia, hay các hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng, mua bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ...và cả những hoạt động như chăm sóc sức khỏe, an sinh xã hội, phát triển giáo dục, các hoạt động văn hóa văn nghệ....

Như vậy, phát triển là một tổ hợp phức tạp các hoạt động, một số có mục tiêu xã hội, một số có mục tiêu kinh tế, trong đó chủ yếu là dựa vào các yếu tố tài nguyên vật chất, và các yếu tố tài nguyên về trí tuệ. Tất cả đều tạo khả

năng cho con người đạt được toàn bộ tiềm năng của mình và hưởng một cuộc sống thoải mái và tiện ích.

Theo quan điểm của triết học Mác - Lênin, phát triển là bản chất của sự vận động theo hướng đi lên của bản thân sự vật, của giới tự nhiên, của con người và xã hội. Biện chứng của sự phát triển đó là: từ sự biến đổi về lượng dẫn đến sự chuyển đổi dần về chất, tạo nên mâu thuẫn bên trong bản thân sự vật, và sự phủ định của phủ định - kết quả của quá trình giải quyết mâu thuẫn, - tạo nên bước nhảy vọt, biến sự vật này thành một sự vật khác mới và cao hơn về chất. Đó là tiến trình có tính quy luật tất yếu khách quan của thế giới. Quá trình đó diễn ra theo các vòng xoắn ốc vô tận, làm cho sự vật, hiện tượng, thế giới ngày càng phát triển và hoàn thiện.

Để hiểu được khái niệm phát triển thì phải luôn đặt nó trong những mối quan hệ cụ thể, nói đến khái niệm phát triển không có nghĩa chỉ bàn về sự phát triển kinh tế mà còn có cả sự phát triển xã hội.

Xét ở khía cạnh kinh tế: *Phát triển kinh tế* là khái niệm có nội dung phản ánh rộng hơn so với khái niệm *tăng trưởng kinh tế*. Nếu như *tăng trưởng kinh tế* về cơ bản chỉ là sự gia tăng thuần túy về mặt lượng của các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp: GNP, GNP/đầu người... thì *phát triển kinh tế* ngoài việc bao hàm quá trình gia tăng đó, còn có một nội hàm phản ánh rộng lớn hơn, sâu sắc hơn, đó là những biến đổi về mặt chất của nền kinh tế - xã hội, mà trước hết là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa và kèm theo đó là việc không ngừng nâng cao mức sống toàn dân, trình độ phát triển văn minh xã hội thể hiện ở hàng loạt tiêu chí như: thu nhập thực tế, tuổi thọ trung bình, tỷ lệ chết của trẻ sơ sinh, trình độ dân trí, bảo vệ môi trường, và khả năng áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật vào phát triển kinh tế - xã hội...

Xét ở khía cạnh xã hội: Phát triển xã hội *mục tiêu là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, chăm sóc y tế và sức khỏe nhân dân, thực hiện các chương trình phúc lợi xã hội và trợ cấp nhân dân...*

Tuy nhiên, nếu phát triển chỉ dừng lại ở nội dung kinh tế và xã hội thì chưa thực sự hoàn thiện, chúng ta đã biết. Ngày nay, con người đang hướng tới xu hướng hội nhập, khu vực hoá, toàn cầu hoá phát triển ngày càng mạnh mẽ hơn nên đã nảy sinh nhiều vấn đề dù là ở phạm vi từng quốc gia, lãnh thổ riêng biệt, song lại có ảnh hưởng chung đến sự phát triển của cả khu vực và toàn thế giới, trong đó có những vấn đề cực kỳ phức tạp, nan giải đòi hỏi phải có sự chung sức của cả cộng đồng nhân loại, ví dụ như: môi trường sống, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... Từ đó đòi hỏi sự phát triển của mỗi quốc gia, lãnh thổ và cả thế giới phải được nâng lên tầm cao mới cả về chiều rộng và chiều sâu của sự hợp tác, phát triển. Thực tiễn đó đã đặt ra vấn đề phải xây dựng một khái niệm mới đó là khái niệm *phát triển bền vững*.

Phát triển bền vững “là sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau”.

“Phát triển bền vững” là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: *phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường* (mục tiêu là xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên). Tiêu chí để đánh giá sự phát triển bền vững là sự tăng trưởng kinh tế ổn định; thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao được chất lượng môi trường sống.

1.2.2. Các quan điểm phát triển

a. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về phát triển

Quan điểm về sự phát triển được triết học Mác - Lênin thể hiện trong nội dung của phép biện chứng duy vật, đó là “khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy.”

Trong lịch sử triết học, xuất hiện nhiều quan điểm siêu hình về sự phát triển, các quan điểm này cho rằng phát triển chỉ là sự tăng, giảm thuần túy về lượng, không có sự thay đổi về chất của sự vật, đồng thời nó cũng xem sự phát triển là quá trình tiến lên liên tục, không trải qua những bước quanh co phức tạp.

Đối lập với quan điểm siêu hình, quan điểm của triết học Mác - Lênin đưa ra quan niệm về sự phát triển: phát triển là khái niệm dùng để chỉ quá trình vận động của sự vật theo khuynh hướng đi lên: từ trình độ thấp đến trình độ cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Triết học Mác - Lênin đưa ra quan niệm về sự phát triển để phân biệt giữa phát triển và “vận động”. Phát triển không phải là sự biến đổi tăng lên hay giảm đi đơn thuần về lượng hay là sự biến đổi toàn hoàn lặp đi lặp lại ở chất cũ mà là sự biến đổi về chất theo hướng ngày càng hoàn thiện của sự vật ở trình độ ngày càng cao hơn.

Phát triển cũng là quá trình phát sinh và giải quyết mâu thuẫn khách quan vốn có của sự vật, là quá trình thống nhất, phủ định các nhân tố tiêu cực và kết thừa, nâng cao nhân tố tích cực từ sự vật cũ trong hình hình thái mới của sự vật.

Phát triển đó là quá trình bắt nguồn từ bản thân sự vật, hiện tượng, quá trình giải quyết mâu thuẫn của sự vật hiện tượng đó. Quá trình phát triển diễn ra trong mọi lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy, trong tất cả mọi sự vật hiện

tượng và trong mọi quá trình, mọi giai đoạn của sự vật hiện tượng đó. Phát triển là khuynh hướng chung của mọi sự vật hiện và mỗi một sự vật hiện tượng lại có những quá trình phát triển khác nhau.

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển

**** Quan điểm của Hồ Chí Minh về phát triển***

Triết lý phát triển Hồ Chí Minh được hiểu là lý luận của Người về sự biến đổi các vấn đề nhân sinh và xã hội theo chiều hướng ngày càng tốt hơn, như vậy phát triển xã hội và phát triển văn hóa có mối liên hệ mật thiết với nhau. Hay như nhận định của tổ chức UNESCO quan niệm “phân tích đến cùng sự phát triển của xã hội chính là sự phát triển của văn hóa” và “sự thăng hoa của văn hóa là đỉnh cao nhất của sự phát triển”.

Dựa trên triết lý phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã vận dụng vào hoàn vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, Việt Nam là một nước thuộc địa và phong kiến, cho nên cách mạng nước ta là cách mạng dân tộc, dân chủ mới, tức là chống đế quốc, chống phong kiến rồi tiến dần đến chủ nghĩa xã hội.

Nắm chắc phép biện chứng phát triển chính là nắm chắc cơ sở khách quan của sự phát triển, cho phép những chủ thể xã hội chủ động xây dựng các lý thuyết (triết lý) phát triển khoa học, tích cực hoạt động, thúc đẩy xã hội tiến nhanh theo mục đích đặt ra. Hiểu sâu sắc biện chứng phát triển thế giới nói chung, của xã hội nói riêng, Hồ Chí Minh đã vận dụng một cách sáng tạo phép biện chứng đó vào công cuộc xây dựng và phát triển xã hội ở Việt Nam. Người đã xác lập những quan điểm và gắn liền với chúng là hành động thực tiễn vì ở Hồ Chí Minh, tư tưởng và hành động gắn liền với nhau có tính hệ thống và tính nguyên lý của triết lý phát triển xã hội Việt Nam - từ cách tiếp

cận chủ nghĩa xã hội cho đến nội dung và phương thức xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam

Để một đất nước có thể phát triển thì điều tiên quyết, theo Hồ Chí Minh, đất nước đó phải được độc lập, dân tộc đó phải được tự do. Độc lập tự do theo Hồ Chí Minh có nghĩa rất rộng - không chỉ độc lập, tự do cho dân tộc, quốc gia, mà cho cả con người, không chỉ ở hiện tại mà cả ở tương lai. Nhưng đối với một đất nước còn nô lệ, thì độc lập và tự do là điều kiện đầu tiên để một dân tộc tự quyết định vận mệnh và tương lai của mình, đồng thời có thể phát huy toàn bộ nội lực của chính mình cho sự phát triển đất nước. Có độc lập, tự do rồi thì vấn đề quyết định để bảo đảm cho một đất nước có thể phát triển là việc xác định con đường đi đúng đắn của cách mạng. Tin tưởng sắt đá vào nguyên lý phát triển biện chứng, Hồ Chí Minh khẳng định: Chủ nghĩa xã hội là con đường đi tất yếu của lịch sử nhân loại. Bác viết:

“Loài người đã trải qua sự phát triển từ xã hội nguyên thủy sang xã hội chiếm hữu nô lệ, xã hội phong kiến rồi đến xã hội tư bản; xã hội tư bản với bản chất vô nhân đạo và đầy mâu thuẫn tự trong lòng nó, cũng giống như những quy luật của lịch sử xã hội, xã hội tư bản sẽ chuyển sang xã hội xã hội chủ nghĩa - cộng sản chủ nghĩa” .

Quan điểm phát triển của Hồ Chí Minh còn được thể hiện ở việc giải quyết hai mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam. Đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc xâm lược Pháp và bọn tay sai (mâu thuẫn chủ yếu) và mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với địa chủ phong kiến (mâu thuẫn giai cấp). Quan điểm này cho thấy Hồ Chí Minh đã chỉ ra con đường phát triển cho cách mạng Việt Nam, phải bắt đầu từ giải phóng dân tộc giành độc lập dân tộc.

Quan điểm phát triển của Hồ Chí Minh còn thể hiện ở việc Bác vạch ra lộ trình phát triển cho cách mạng Việt Nam đó là độc lập dân tộc gắn liền với

chủ nghĩa xã hội. Theo Người, "*Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới cứu nhân loại, đem lại cho con người...tự do, bình đẳng, bác ái,...hoà bình, hạnh phúc*".[33, tr. 246]

Chính vì vậy, ngay từ khi đất nước ta còn đang trong hoàn cảnh bị nô lệ, Hồ Chí Minh đã quyết chọn con đường cách mạng dân tộc, thực hiện dân quyền và dân sinh, để từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội, với bản chất nhân đạo và đầy sức sống của nó, - nơi thể hiện lý tưởng cao đẹp của con người, - có khả năng tự tạo ra sức mạnh nội sinh để thúc đẩy xã hội đi lên phù hợp với lý tưởng chân chính của nhân dân Việt Nam. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã trở thành nhân lõi xuyên suốt lý tưởng xây dựng xã hội mới, và đó cũng là một nội dung quan trọng mà Hồ Chí Minh nâng lên thành nguyên lý của triết lý phát triển xã hội.

Quan điểm phát triển Hồ Chí Minh cũng gắn liền với việc vạch ra nhiệm vụ xây dựng phát triển về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, trong tiến trình đi xây dựng phát triển đất nước theo con đường chủ nghĩa xã hội.

Về mặt chính trị, Bác viết, Nhà nước mà nhân dân ta xây dựng là nhà nước vững mạnh của dân, do dân, vì dân. Đó là một nhà nước do nhân dân làm chủ. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất đại diện cho ý chí của nhân dân. Chính phủ là nơi thừa hành quyền lực của nhân dân, vận hành theo cơ chế pháp quyền, thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm vì lợi ích của nhân dân. Cán bộ là người đại diện cho ý chí của nhân dân, đồng thời là công bộc (đầy tớ) trung thành của nhân dân. Nhà nước phải thực hiện đầy đủ bản chất và chức năng của mình: bao nhiêu quyền lợi đều thuộc về nhân dân.

Về mặt kinh tế, Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh kinh tế quyết định chính trị, chính trị tập trung ở kinh tế, Người chú trọng xây dựng một nền kinh tế vững mạnh theo hướng xã hội chủ nghĩa. Theo Hồ Chí Minh, xây dựng đất

nước là trước hết phải làm cho người dân được "ăn no, mặc ấm", rồi mới đến "học hành tiến bộ". Ngay từ ngày đất nước độc lập, Người đã thực hiện xây dựng và phát triển kinh tế. Đó là thực hiện hợp tác hoá để quy tụ sức mạnh toàn dân vào xây dựng nền kinh tế mới; cải tạo quan hệ sản xuất, phát triển lực lượng sản xuất, từng bước công nghiệp hoá, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Hạt nhân phát triển xã hội quan trọng ở đây là một nền kinh tế vững mạnh, do nhân dân lao động làm chủ để phát triển các lĩnh vực khác của toàn xã hội.

Về mặt văn hóa xã hội, theo Hồ Chí Minh nếu như kinh tế là nền tảng và là yếu tố hàng đầu của phát triển xã hội, thì văn hoá - khoa học - giáo dục được Hồ Chí Minh xem là nguồn lực nội sinh từ thượng tầng kiến trúc tác động đến hạ tầng cơ sở, tạo nên sự vận động của tất cả các lĩnh vực hoạt động xã hội. Vì vậy, bước vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải có con người xã hội chủ nghĩa", - những con người "vừa hồng vừa chuyên". Theo Hồ Chí Minh, sức mạnh của một dân tộc trước hết là tri thức, là trí tuệ. "Một dân tộc dốt là dân tộc yếu". Phải diệt giặc dốt, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài. Dân trí là điều kiện để thực hiện phát triển văn hoá - xã hội, tạo tiềm năng trí tuệ và sức vươn lên một xã hội giàu mạnh và văn minh.

Văn hoá, theo Hồ Chí Minh, vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển xã hội. Người sớm nhận thấy rằng, "*Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học nghệ thuật...và những công cụ phục vụ cuộc sống hàng ngày như ăn mặc ở và những phương thức sử dụng chúng...*" [34,tr.431].

Đề cập tới vấn đề phát triển, Hồ Chí Minh đã đưa ra những nhận định về sự phát triển xã hội và một xã hội phát triển, theo Hồ chí Minh, tất cả đều quy

tự ở vấn đề con người. Mục tiêu phát triển của một xã hội theo hướng nhân văn là đáp ứng mọi khát vọng chính đáng của con người, tạo điều kiện cho con người ngày càng phát triển toàn diện - hài hoà như một chủ thể văn hoá. Mặt khác, xã hội đó lại do chính bản thân con người làm ra với tư cách là chủ thể lịch sử, chủ thể xã hội. Con người tự đặt ra mục đích và đồng thời là người thực hiện những mục đích đó. Một xã hội có thể phát triển phải đi trúng mục tiêu con người với hai khía cạnh và hai ý nghĩa cơ bản này. Do vậy, trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn đặt con người ở vị trí trung tâm.

Ở Hồ Chí Minh, phát triển không chỉ là các yếu tố tạo nên động lực phát triển, mà còn là tổng hoà của tất cả các mối quan hệ trong một môi trường tổng thể với sự tác động nhiều chiều, đa dạng và biện chứng.

Như vậy, tiếp cận vấn đề phát triển theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã cho chúng ta thấy những tư tưởng có ý nghĩa quan trọng vận dụng vào thực tiễn cách mạng Việt Nam trong đó nổi bật lên tư tưởng phát triển của Bác, cụ thể đó là hệ thống triết lý phát triển bền vững, phát triển theo hướng nhân văn, đó chính là nguyên lý, là triết lý phát triển đúng đắn, khoa học, phù hợp với xu thế của thời đại ngày nay

** Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển*

Bắt đầu từ Đại hội Đảng lần thứ VI, nhờ quá trình đổi mới toàn diện đất nước, nhất là trong quá trình đổi mới tư duy lý luận và cùng với đó là sự học hỏi, tiếp thu cách tiếp cận mới của thế giới về phát triển, chúng ta đã dần nhận thức và có cách nhìn mới, quan điểm mới về phát triển. Phát triển chỉ đạt được khi tăng trưởng kinh tế có chất lượng (tăng trưởng trên cơ sở nâng cao hiệu quả đầu tư, nâng cao năng suất lao động), phát triển xã hội đi liền với bảo đảm sự tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường.

Quan điểm về phát triển phải gắn với phát triển bền vững đã trở thành quan điểm chính thức của Đảng và Nhà nước ta được đưa vào Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, đồng thời được cụ thể hóa một bước trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010). Đặc biệt, xuất phát từ tình hình và nhu cầu thực tế đất nước, Đảng ta cho rằng, ở Việt Nam, nội hàm của phát triển không chỉ là bền vững mà còn phải nhanh, bởi lẽ nhanh và bền vững là thành tố cốt lõi, có ý nghĩa quyết định để làm nên thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo nền tảng để nước ta đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại.

Tại Đại hội XI, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu; vừa mở rộng quy mô, vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững; từ tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và sử dụng lao động giá rẻ sang tăng trưởng chủ yếu do áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ công nghệ cao, có giá trị gia tăng và sức cạnh tranh lớn gắn với phát triển kinh tế tri thức; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

1.2.3. Vai trò của phát triển

Phát triển là quá trình biến đổi về chất và lượng. Về số lượng thì đó là sự tăng trưởng, về phẩm chất thì nhất định phải có sự biến đổi về mặt chất lượng theo hướng tiến bộ.

Phát triển xã hội là sự tăng trưởng, đặc biệt là tăng trưởng kinh tế cùng với sự biến đổi xã hội theo chiều hướng tiến bộ xã hội, nghĩa là đúng hơn, tốt hơn và đẹp hơn.

Còn một đánh nước bị coi là kém phát triển khi: xã hội thiếu những điều kiện thiết yếu, các nhu cầu cơ bản không được đáp ứng đầy đủ như thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu nước sạch, thiếu điện, nhà ở tồi tàn, thiếu cầu đường, lưu thông khó khăn, thiếu thuốc chữa bệnh,... Các nhu cầu sinh hoạt tinh thần, giải trí yếu kém, mù chữ cao, thiếu trường lớp và giáo viên, thiếu thông tin, lạc hậu về khoa học kỹ thuật. Tâm lý thiếu tự tin, trông chờ, ỷ lại.

Mục đích và mục tiêu của phát triển là nâng cao chất lượng đời sống của người dân và nhằm cung cấp cho con người những cơ hội để phát triển toàn diện các tiềm năng. Phát triển không thể chi định nghĩa như tăng số thu nhập đầu người của một quốc gia, tăng các chỉ số sản phẩm sản xuất của địa phương, của vùng, hoặc tăng tiết kiệm của cá nhân hay nhóm. Phát triển không chỉ hàm ý sự tăng lên về tài nguyên và thêm kỹ năng, mà còn là tạo ra những thay đổi, cải tiến tích cực.

Phát triển cần giúp những người dân thiệt thòi trước đây có thể cải thiện các điều kiện sống của họ và thỏa mãn những nhu cầu cơ bản như việc làm, nhà ở, môi trường an toàn.

Phát triển có nghĩa là người dân thiệt thòi trong cộng đồng ngày nay có khả năng trả tiền học phí cho con cái, trả y tế phí và mở mang kiến thức về xã hội hiện đang sống.

Phát triển ngụ ý rằng đường sá, cầu cống được xây dựng, lưu thông được cải tiến và mạng lưới thông tin hữu hiệu được thiết lập.

Phát triển cũng có nghĩa là người dân trong cộng đồng có thể đạt được nhiều mặt cải thiện nêu trên thông qua những cố gắng của họ, và sẽ

tham gia vào những quyết định có ảnh hưởng đến đời sống của họ. Điều này được xem như yếu tố chủ yếu để quyết định xem phát triển cộng đồng đúng nghĩa có xảy ra hay không.

Cuối cùng Phát triển tùy vào sáng kiến khởi sự của người dân trong cộng đồng, và Phát triển chỉ có thể xem như đúng nghĩa đích thực nếu nghèo đói và thất nghiệp giảm đi, nhân quyền và công bằng xã hội được củng cố.

Ở Việt Nam, trải qua chặng đường dài một phần tư thế kỷ, công cuộc đổi mới ở nước ta đã thu được những thành tựu mang ý nghĩa lịch sử, đưa nước ta thoát khỏi nhóm nước có thu nhập thấp, hội nhập vào khối quốc gia có thu nhập trung bình trên thế giới. Nhờ đó, thế và lực Việt Nam trên trường quốc tế đang dâng cao chưa từng thấy.

Từ năm 1986, thực hiện đường lối đổi mới, với mô hình kinh tế tổng quát là xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đất nước ta đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo được những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Qua 25 năm đổi mới, hệ thống pháp luật, chính sách và cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng tương đối đồng bộ. Hoạt động của các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế nhiều thành phần và bộ máy quản lý của Nhà nước được đổi mới một bước quan trọng.

Với chủ trương tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, quan hệ kinh tế của Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế ngày càng được mở rộng. Việt Nam đã tham gia Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, thực hiện các cam kết về Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO)...

Đến nay Việt Nam đã có quan hệ thương mại với hơn 200 nước và vùng lãnh thổ, ký hơn 90 hiệp định thương mại song phương với các nước, tạo ra một bước phát triển mới rất quan trọng về kinh tế đối ngoại.

Thực hiện gắn kết phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, đời sống của đại bộ phận dân cư được nâng lên rõ rệt.

Một thành công lớn đầy ấn tượng của nước ta qua 25 năm đổi mới là đã giải quyết có hiệu quả mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, các cơ hội phát triển được mở rộng cho mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của nhân dân được nâng cao.

Trước hết, công tác giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo đạt kết quả tốt, vượt mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc. Từ năm 2000 đến năm 2005, tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động. Năm 2005, thất nghiệp ở thành thị giảm xuống còn 5,3%; thời gian sử dụng lao động ở nông thôn đạt 80%. Thu nhập bình quân đầu người tăng mạnh từ 200 USD năm 1990 lên khoảng 1168 USD năm 2010.

Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân được chú trọng và có nhiều tiến bộ. Mạng lưới y tế được củng cố và phát triển, y tế chuyên ngành được nâng cấp, ứng dụng công nghệ tiên tiến; việc phòng chống các bệnh xã hội được đẩy mạnh; tuổi thọ trung bình từ 68 tuổi năm 1999 đến nay nâng lên trên 72 tuổi.

Như vậy với những thành tựu chúng ta đạt được đã cho thấy ý nghĩa quan trọng của việc phát triển, đã làm đổi thay toàn diện bộ mặt của đất nước và nâng cao đời sống của nhân dân, hướng tới thực hiện những mục tiêu của thời kỳ quá độ là xây dựng Việt Nam theo tiêu chí *dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh*.

1.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN

1.3.1. Ảnh hưởng của văn hóa đối với phát triển

a. Văn hóa là cơ sở, nền tảng của sự phát triển

Ta biết rằng, đời sống xã hội của con người có hai mặt vật chất và tinh thần. Nếu kinh tế là nền tảng vật chất của đời sống xã hội, thì văn hóa là nền tảng tinh thần của đời sống xã hội. Văn hóa tạo thành nền tảng tinh thần của xã hội, vì nó được thấm nhuần trong mỗi con người và trong cả cộng đồng; nó được truyền lại, tiếp nối và phát huy qua các thế hệ, được vật chất hóa và khẳng định vững chắc trong cấu trúc chính trị - xã hội của từng dân tộc, đồng thời tác động hàng ngày đến tư tưởng, tình cảm của mỗi thành viên, xã hội và môi trường xã hội, văn hóa Vì văn hóa là "*nền tảng tinh thần của xã hội*", nên khái niệm văn hóa không thể hiểu theo nghĩa hẹp mà phải được hiểu theo nghĩa rộng, ngang với "*nền tảng vật chất của xã hội*", Xã hội phải đứng hai chân trên hai "*nền tảng*", nếu chỉ có một nền tảng thì xã hội không thể đứng vững. Như vậy, cũng có nghĩa là văn hóa góp phần tạo nền móng của xã hội. Nền móng có vững chắc thì sự phát triển của đất nước mới lành mạnh. .

Nói văn hóa là nền tảng tinh thần cũng có nghĩa là coi văn hóa là tổng thể các giá trị, các tiềm năng sáng tạo của đất nước. Muốn phát triển cần phải dựa vào các giá trị đó, cần khai thác và phát huy các giá trị đó. Nghị quyết Trung ương 5 viết: "Chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững"

Là "*nền tảng tinh thần của xã hội*", văn hoá không chỉ nằm ở một số người, ở lớp "tinh hoa", mà nằm trong toàn xã hội và không phải nằm ở một số ngành, nghề mà có mặt ở tất cả các lĩnh vực sinh hoạt, hoạt động và quan

hệ con người. Nghị quyết Trung ương 5 chỉ rõ. Phải “làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người”.

Văn hóa là nền tảng tinh thần, đòi hỏi phải đặt văn hóa vào vị trí quan trọng. Cũng như kinh tế tạo nên giá trị vật chất, nền tảng vật chất và nền tảng tinh thần tạo những điều kiện cần và đủ để xã hội tồn tại và phát triển. Thiếu điều kiện vật chất thì không có sự tồn tại của con người, nhưng thiếu điều kiện tinh thần thì xã hội không thể phát triển được. Trong quá trình tồn tại và phát triển của lịch sử, cơ sở vật chất và tinh thần thường xuyên thâm nhập vào nhau và hỗ trợ lẫn nhau. Chừng nào nền tảng tinh thần suy yếu, chừng đó xã hội sẽ lâm vào khủng hoảng, các tệ nạn xã hội xuất hiện và sự phát triển kinh tế sẽ gặp khó khăn.

Trong thời đại ngày nay, khi loài người đang bước vào giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế, xu thế toàn cầu hóa là xu thế tất yếu của các nước trên thế giới. Xu hướng toàn cầu hóa đã tạo ra sự giao lưu về kinh tế, chính trị, xã hội, giữa các nước. Trong đó lĩnh vực văn hóa cũng có sự giao lưu và tiếp biến sâu rộng, chính sự giao lưu văn hóa là cơ sở để con người hiểu nhau hơn và hướng tới một cuộc sống xã hội hòa bình. Ngày nay các nước trên thế giới đều đưa ra chính sách đề cao nền văn hóa dân tộc, bởi lẽ bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc chính là ý thức tâm lý của nhân dân, phản ánh những cung bậc của nhận thức xã hội. Do đó, muốn phát triển bền vững và ổn định phải có điều kiện tiên quyết là xây dựng nền văn hóa làm cơ sở, nền tảng, gắn phát triển văn hóa với tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội.

Trước đây, con người coi văn hóa chỉ là sản phẩm của quá trình hoạt động xã hội, nghĩa là họ coi văn hóa là yếu tố phát sinh do nhu cầu của con người, vì thế mà chưa có chính sách phù hợp để phát triển văn hóa. Khi xã hội

phát triển, con người sáng tạo ra nhiều các giá trị văn hóa, và những giá trị văn hóa đó có sự kế thừa và tiếp nối, chuyển hóa giữa các thế hệ tạo thành một nền tảng tinh thần tác động tới tư duy và nhận thức con người, từ đó văn hóa đi sâu vào trong đời sống xã hội và chi phối đời sống xã hội, hình thành nên những chuẩn mực xã hội điều chỉnh hành vi của con người và của xã hội, nghĩa là văn hóa nó không còn mang tính “bị động” (là sản phẩm của con người) mà giờ đây nó đứng ở vị trí “chủ động” tức là nó là nền tảng tinh thần của xã hội.

Văn hóa có mối quan hệ thống nhất biện chứng với kinh tế, chính trị; xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục đích cuối cùng là văn hóa. Trong mỗi chính sách kinh tế - xã hội luôn bao hàm nội dung và mục tiêu văn hóa. Văn hóa có khả năng khơi dậy tiềm năng sáng tạo của con người. Động lực của sự phát triển của các quốc gia nằm chính ở mối quan hệ tương quan giữa văn hóa và phát triển, văn hóa nó có tác dụng thúc đẩy sự phát triển nhưng nó cũng là yếu tố kìm hãm, cản trở sự phát triển kinh tế xã hội. Do vậy bản chất của sự phát triển phải là sự phát triển ổn định và bền vững nghĩa là không phá vỡ cấu trúc xã hội, không làm lệch chuẩn các giá trị văn hoá, không làm mất bản sắc dân tộc.

Đảng và nhà nước Việt Nam từ rất sớm cũng đã nhận thức rõ vai trò quan trọng của văn hoá. Không phải là đến nghị quyết TW V khoá VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc” thì vai trò to lớn của văn hoá đối với sự nghiệp cách mạng của Việt Nam mới được đặt ra. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng cộng sản Việt Nam đã rất chú ý tới mối quan hệ giữa văn hoá và phát triển. Vai trò của văn hoá được quy tụ ở bản lĩnh con người Việt Nam, sức mạnh của cách mạng Việt Nam là ở văn hoá Việt Nam. Sức mạnh văn hoá Việt Nam với tư cách là động lực cho sự phát triển của xã hội được Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định rõ, gắn với

nhệm vụ chính trị của từng giai đoạn lịch sử, góp phần đưa đất nước tiến lên trên con đường đã được Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam lựa chọn, hướng tới mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

b. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự phát triển

Với ý nghĩa văn hóa là nền tảng tinh thần của đời sống xã hội, văn hóa phải được xem vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Văn hóa là động lực cho sự phát triển con người, là nhân tố bên trong, nhân tố nội sinh. Văn hóa khơi dậy và phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của con người, phát huy năng lực bản chất người. Mối quan hệ con người với văn hóa là gắn liền nhau, văn hóa vừa thể hiện trong con người, đồng thời văn hóa là môi trường, là điều kiện cho sự hình thành, phát triển nhân cách con người. Tức là, văn hóa góp phần vào điều tiết quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, văn hóa luôn được xác định là mục tiêu của sự nghiệp cách mạng và điều đó thể hiện một cách nhất quán trong đường lối văn hóa của Đảng ta từ ngày mới thành lập đến nay. Trong mỗi chính sách kinh tế - xã hội luôn đòi hỏi phải bao hàm nội dung và mục tiêu văn hóa. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội, dân chủ, công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện”, nhằm mục đích nâng cao chất lượng đời sống xã hội, tạo cơ sở vật chất cho sự phát triển lành mạnh về đời sống tinh thần. Đặt văn hóa là mục tiêu bởi vì mọi tâm huyết và công sức mà Đảng và nhân dân ta đang bỏ ra sẽ trở thành vô nghĩa, nếu như mục tiêu cuối cùng của chúng ta không phải là xây dựng một xã hội Việt Nam và những con người Việt Nam phát triển toàn diện trong một cuộc sống đầy đủ về vật chất và cao đẹp về tinh thần

Đối với một quốc gia, phát triển và tăng trưởng kinh tế không đồng nhất với nhau. Muốn phát triển bền vững và toàn diện thì động lực không thể thiếu là phát triển văn hóa. Văn hóa phát triển mạnh và đúng hướng có khả năng phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của các nhân tố khách và chủ quan của các điều kiện bên trong và bên ngoài, bảo đảm cho sự phát triển của xã hội được hài hòa, cân đối, lâu bền. Văn hóa hướng dẫn và thúc đẩy người lao động không ngừng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sản xuất ra hàng hóa với số lượng và chất lượng ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Văn hóa còn góp phần tăng cường sự hiểu biết, mở rộng sự giao lưu hợp tác giữa nước ta và các nước khác trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi. Các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa truyền thống là cơ sở tinh thần để ngăn chặn, hạn chế các tệ nạn xã hội, xu hướng “sùng ngoại”, sùng bái tiền tệ trong nền kinh tế thị trường.

Văn hóa phát triển mạnh và đúng hướng đóng vai trò điều tiết trong quan hệ quốc tế, để mở cửa và giữ vững được độc lập, chủ quyền, hợp tác kinh tế - văn hóa với nước ngoài mà không để người ta lợi dụng biến đất nước mình thành nơi cung cấp nguyên liệu và nhân công giá rẻ, nơi tiêu thụ hàng hóa ế thừa và tiếp nhận những công nghệ lạc hậu, những ảnh hưởng văn hóa độc hại.

Văn hóa phát triển mạnh và đúng hướng còn có khả năng ngăn chặn, khắc phục được những ham muốn quá mức dẫn đến làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và gây ô nhiễm môi trường sinh thái, cỗ vũ xây dựng một lối sống có điều độ và hướng đến những hành vi ứng xử có văn hóa của con người đối với con người và đối với thiên nhiên.

Như vậy, với vai trò là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa phải điều tiết sự phát triển của kinh tế, phải gắn sự phát triển của kinh tế với tiến bộ xã hội đồng thời văn hóa phải thể hiện trình độ

phát triển về ý thức, trí tuệ, năng lực sáng tạo của con người. Với sự phát triển của văn hóa, bản chất nhân văn, nhân đạo của mỗi cá nhân và cả cộng đồng được bồi dưỡng và phát huy, trở thành giá trị cao quý và chuẩn mực của toàn xã hội. Trong thời đại ngày nay, một đất nước giàu hay nghèo không phải có nhiều hay ít lao động và tài nguyên thiên nhiên mà chủ yếu là do có khả năng phát huy tiềm năng sáng tạo của nguồn lực con người hay không. Tiềm năng sáng tạo này nằm trong các yếu tố cấu thành văn hóa, nghĩa là nằm trong sự hiểu biết, tâm hồn, đạo lí, lối sống, thị hiếu, trình độ thẩm mỹ của mỗi cá nhân và cộng đồng. Hàm lượng trí tuệ, hàm lượng văn hóa trong các lĩnh vực của đời sống con người càng cao thì khả năng phát triển kinh tế- xã hội càng lớn và hiện thực.

Phát triển là quá trình biến đổi không ngừng làm thay đổi những yếu tố cũ và dẫn tới sự ra đời của những yếu tố mới nhưng ở độ cao hơn và hoàn thiện hơn. Trong xã hội loài người phát triển đó chính là việc nâng cao chất lượng cuộc sống con người, là để con người có đời sống vật chất đầy đủ và tinh thần tốt đẹp, là để nâng cao trình độ phát triển về trí tuệ, đạo đức, thẩm mỹ, nâng cao năng lực sáng tạo của con người. Mục tiêu của sự phát triển kinh tế xã hội là hướng tới phục vụ lợi ích của cộng đồng, là tạo điều kiện để nhân dân có cuộc sống ấm no hạnh phúc, được hưởng thụ một nền văn hoá phát triển trong một môi trường xã hội lành mạnh, văn minh

Xác định văn hoá là mục tiêu của sự phát triển xuất phát từ nhận thức đúng bản chất của văn hoá và quan niệm đúng về sự phát triển, bởi mục tiêu cuối cùng của một xã hội có một nền văn hoá tiên tiến chính là phát triển con người, đó cũng chính là quy luật phát triển của lịch sử. Con người đó phải là con người thật sự có hạnh phúc, đó là con người toàn diện theo chuẩn mực giá trị văn hoá. Con người là yếu tố quyết định nhất của sự phát triển kinh tế xã hội, mà nguồn lực này lại nằm trong văn hoá bởi văn hoá là sản phẩm sáng

tạo của con người. Cho nên xây dựng nền văn hoá Việt Nam cũng chính là xây dựng và phát huy nguồn lực con người, đó là nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển.

Tóm lại, chúng ta cần phải có nhận thức đúng đắn về vai trò mục tiêu và động lực của văn hóa. Văn hóa là mục tiêu bởi xét đến cùng tất cả vì con người phát triển toàn diện. Người ta lấy tiêu chí văn hóa để đánh giá sự phát triển của đất nước. Xét đến cùng, sự phát triển của đất nước là sự thăng hoa của văn hóa.

Văn hóa là động lực phải được hiểu theo hai chiều thuận và nghịch. Nếu hiểu theo cách thông thường thì bàn đến động lực là nói đến vai trò thúc đẩy của văn hóa. Đây là trong trường hợp biết phát huy các giá trị của văn hóa. Nhưng hiểu theo chiều cạnh thứ hai, thì mặt trái của văn hóa chính là cản lực của phát triển kinh tế. Nếu con người thiếu trí tuệ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, lãng phí, tham ô, sẽ kìm hãm sự phát triển. Người ta gọi văn hóa là "cái phanh" của tăng trưởng kinh tế theo ý nghĩa đó. Cái phanh văn hóa sẽ hạn chế cái đầu tăng trưởng nóng.

Trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường hiện nay không thể không quan tâm đến phát triển kinh tế, nhưng điều đáng sợ nhất không phải là suy giảm kinh tế mà là suy giảm văn hóa. Những "cục máu đông" về kinh tế như bất động sản, nợ xấu của ngân hàng không đáng sợ bằng những "cục máu đông" về văn hóa như suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí. "Cục máu đông" về văn hóa làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, thách thức vai trò lãnh đạo của Đảng, liên quan đến sự mất còn của Đảng, của chế độ. Cách đây gần nửa thế kỷ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảnh báo: "Không sợ thiếu chỉ sợ không công bằng. Không sợ nghèo chỉ sợ lòng dân không yên". Ngày nay, thế giới nói nhiều đến nguy cơ từ sự nghèo khó về văn hóa. Suy giảm về kinh tế có thể chỉ mất vài ba chục năm để lấy lại

đà tăng trưởng, nhưng suy thoái về văn hóa thì đây là một cuộc chiến đấu gian khổ, quyết liệt, lâu dài.

Việt Nam hôm nay đang sai bước cùng thời đại. Vì vậy, nghiên cứu sự phát triển Việt Nam phải gắn với xu thế của thời đại. Hiện nay nhiều nước trên thế giới đã thức tỉnh sau nhiều năm say sưa với tăng trưởng kinh tế, bắt chước văn hóa. Có hai tiêu chí đánh giá sự phát triển của một nước. Tiêu chí hiện đại dựa vào tăng trưởng kinh tế, giàu có và sự phát triển khoa học công nghệ. Tiêu chí tiên bộ dựa vào các giá trị nhân văn, văn hóa, đạo đức, một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sinh thái, quan tâm đến mọi thành viên của xã hội. Tiêu chí hiện đại là cơ sở, tiêu chí tiên bộ là mục tiêu.

Đó chính là lý do trên thế giới ngày nay, người ta đề cập và chú trọng đến "sức mạnh mềm", đó là sức mạnh tinh thần, tư tưởng, văn hóa. Người ta quan tâm đến sự cạnh tranh về văn hóa, đầu tư về văn hóa như phát triển nền công nghiệp văn hóa, kinh tế văn hóa, thị trường văn hóa. Không thể bỏ qua nhịp bước và tư duy về sự phát triển của nhân loại, của thời đại trong thế giới toàn cầu. Bởi vì đây là những vấn đề thuộc về quy luật tiến hóa của nhân loại. Không quan tâm đến văn hóa là đánh mất chính mình, đánh mất động lực và mất phương hướng, mục tiêu của phát triển.

1.3.2. Phát triển là cơ sở cho sự bền vững của văn hóa

a. Vai trò của phát triển xã hội

Phát triển là bản chất của sự vận động theo hướng đi lên của bản thân sự vật, của giới tự nhiên, của con người và xã hội. Biện chứng của sự phát triển đó là: từ sự biến đổi về lượng dẫn đến sự chuyển đổi dần về chất, tạo nên mâu thuẫn bên trong bản thân sự vật, và sự phủ định của phủ định - kết quả của quá trình giải quyết mâu thuẫn, - tạo nên bước nhảy vọt, biến sự vật này thành một sự vật khác mới và cao hơn về chất. Đó là tiến trình có tính quy luật tất

yếu khách quan của thế giới. Quá trình đó diễn ra theo các vòng đi lên vô tận, làm cho sự vật, hiện tượng, thế giới ngày càng phát triển và hoàn thiện.

Phát triển xã hội là một vấn đề có ý nghĩa to lớn, là mục tiêu hướng tới của tất cả các nước trên thế giới. Ở Việt Nam phát triển xã hội rất được Đảng và Nhà nước ta coi trọng, trong đó nhấn mạnh động lực của phát triển xã hội tất cả đều quy tụ ở vấn đề con người. Mục tiêu phát triển của một xã hội theo hướng nhân văn là đáp ứng mọi khát vọng chính đáng của con người, tạo điều kiện cho con người ngày càng phát triển toàn diện - hài hoà như một chủ thể văn hoá. Mặt khác, xã hội đó lại do chính bản thân con người làm ra với tư cách là chủ thể lịch sử, chủ thể xã hội. Con người tự đặt ra mục đích và đồng thời là người thực hiện những mục đích đó. Một xã hội có thể phát triển phải hướng tới mục tiêu là con người và phát triển vì con người, và lấy con người ở vị trí trung tâm.

Phát triển kinh tế và nhân văn xã hội là những bộ phận quan trọng của sự phát triển toàn bộ xã hội dựa vào nhau và thúc đẩy lẫn nhau để phát triển. Ông cho rằng phát triển nhân văn xã hội một mặt được sự hỗ trợ của phát triển kinh tế, mặt khác lại thực hiện một số chức năng đối với phát triển kinh tế như sáng tạo ra môi trường tốt đẹp cho phát triển kinh tế trở thành hệ thống đảm bảo cho sự phát triển. Và phát triển nhân văn xã hội lấy con người làm hạt nhân cung cấp hệ thống định hướng giá trị cho phát triển kinh tế.

Như vậy rõ ràng là những nhân tố nhân văn xã hội, hay nói cách khác những nhân tố văn hoá không thể thiếu vắng trong động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế và tiến bộ văn hoá.

Theo khẳng định của UNESCO: “Nước nào tự đặt cho mình mục tiêu phát triển kinh tế mà tách rời môi trường văn hoá, thì nhất định sẽ xảy ra những mất cân đối nghiêm trọng cả về kinh tế lẫn văn hoá, và tiềm năng sáng tạo của những ấy sẽ bị suy yếu rất nhiều” [41, tr.5].

b. Vấn đề phát triển bền vững ở Việt Nam

Phát triển bền vững là phát triển nhằm thoả mãn nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm phương hại tới sự đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai. Phát triển bền vững lành thổ là sự phát triển, sử dụng hợp lý tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, điều kiện môi trường nhằm phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đáp ứng nhu cầu của thế hệ con người đang sống trong giới hạn cho phép mà vẫn đảm bảo cho các thế hệ tương lai những điều kiện tài nguyên và môi trường cần thiết để họ có thể sống tốt hơn ngày nay

Trước hết, cần nhận thức sâu sắc ba trụ cột của phát triển bền vững, đó là bền vững về kinh tế, bền vững về các vấn đề văn hóa - xã hội, bền vững về môi trường. Phát triển bền vững là chăm lo cho thế hệ hiện tại nhưng không ảnh hưởng đến thế hệ tương lai. Nhận thức như vậy để thấy rằng, không thể chấp nhận tư duy tăng trưởng "nóng" không dựa vào động lực văn hóa. Chính văn hóa và các vấn đề xã hội vừa là động lực vừa là mục tiêu của tăng trưởng kinh tế. Không dựa vào tố chất văn hóa mà hàng đầu là nguồn lực con người chất lượng cao, không thể có phát triển bền vững. Vấn đề không phải tăng trưởng đến mức nào mà tăng trưởng bằng cách nào. Cấu trúc lại mô hình tăng trưởng bằng cách kết hợp tăng trưởng theo chiều rộng với tăng trưởng theo chiều sâu là một tư duy về vai trò của văn hóa trong tăng trưởng kinh tế.

Phát triển bền vững là nhu cầu cấp bách và xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển của xã hội loài người, vì vậy đã được các quốc gia trên thế giới đồng thuận xây dựng thành Chương trình nghị sự cho từng thời kỳ phát triển của lịch sử. Tại Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển được tổ chức năm 1992 ở Rio de Janeiro (Braxin), 179 nước tham gia Hội nghị đã thông qua Tuyên bố Rio de Janeiro về môi trường và phát triển bao gồm 27 nguyên tắc cơ bản và Chương trình nghị sự 21 (Agenda 21) về các giải pháp phát triển bền vững chung cho toàn thế giới trong thế kỷ 21.

Về phía Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta từ nhiều năm qua đã luôn nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của sự phát triển bền vững không chỉ riêng với Việt Nam mà còn có liên đới trách nhiệm với sự phát triển bền vững chung của toàn cầu. Chính phủ ta đã cử nhiều đoàn cấp cao tham gia các Hội nghị nói trên và cam kết thực hiện phát triển bền vững; đã ban hành và tích cực thực hiện “Kế hoạch quốc gia về Môi trường và Phát triển bền vững giai đoạn 1991-2000” (Quyết định số 187-CT, ngày 12 tháng 6 năm 1991), tạo tiền đề cho quá trình phát triển bền vững ở Việt Nam. Quan điểm phát triển bền vững đã được khẳng định trong Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 25 tháng 6 năm 1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, trong đó nhấn mạnh: “Bảo vệ môi trường là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa”. Quan điểm phát triển bền vững đã được tái khẳng định trong các văn kiện của Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ IX (2001) của Đảng Cộng sản Việt Nam và trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 là: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” và “Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hoà giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học”. Gần đây, Đại hội X (2006) của Đảng cũng đã rút ra 5 bài học kinh nghiệm lớn từ thực tiễn phát triển hơn 20 năm đổi mới vừa qua và đó cũng là tư tưởng chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội nước ta giai đoạn 5 năm 2006-2010 và kể cả nhiều năm tiếp theo. Trong đó, bài học đầu tiên đã được Đảng ta đặc biệt nhấn mạnh là “Bài học về phát triển nhanh và bền vững”. Phát triển bền vững rõ ràng đã và đang trở thành đường lối, quan điểm của Đảng

và định hướng chính sách phát triển của Nhà nước. Để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, những năm vừa qua đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết khác của Đảng, nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước đã được ban hành và triển khai thực hiện; nhiều chương trình, đề tài nghiên cứu về lĩnh vực này đã được tiến hành và thu được những kết quả bước đầu. Nhờ đó, nhiều nội dung cơ bản về phát triển bền vững đã đi vào cuộc sống và dần dần trở thành xu thế tất yếu trong sự phát triển của đất nước.

Trong Chương trình nghị sự 21 do Chính phủ Việt Nam ban hành năm 2006 khẳng định : *“Mục tiêu tổng quát của phát triển bền vững là đạt được sự đầy đủ về vật chất, sự giàu có về tinh thần và văn hóa, sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội, sự hài hòa giữa con người và tự nhiên; phát triển phải kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà được ba mặt là phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường”*. Từ quan điểm này cho thấy vấn đề phát triển xã hội có sự tác động sâu rộng tới các vấn đề chính trị xã hội. Ở Việt Nam hiện nay, Đảng và Nhà Nước ta chú trọng tới cách mục tiêu phát triển toàn diện, sau hơn hai mươi năm thực hiện công cuộc đổi mới, bộ mặt kinh tế xã hội của nước ta đã có sự chuyển biến tích cực. Tăng trưởng kinh tế đã gắn liền với an sinh xã hội, phát triển xã hội bền vững đã tạo ra nền tảng cơ bản để trở thành động lực kích thích các lực lượng xã hội tăng trưởng và phát triển.

Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh: *“Tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hoá, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường...”*. Còn tại Đại hội X khẳng định *“Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân”*, *“Từng bước mở rộng và cải thiện hệ thống an sinh xã hội để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đa dạng của mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội, nhất là nhóm đối tượng chính sách, đối tượng nghèo”*.

Kết luận chương 1

Có thể nói rằng, mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển chính là là mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại.

Ở các nước Phương Tây, người ta coi những yếu tố truyền thống có mối quan hệ đồng nhất với bảo thủ, chính vì vậy mà những giá trị truyền thống có phần bị coi nhẹ, do vậy, có một hố thẳm ngăn cách giữa truyền thống và hiện đại trong lòng xã hội của các nước này. Đó chính là tiền đề dẫn tới những khủng hoảng về văn hóa và đạo lý diễn ra ở hầu hết các nước phương Tây.

Ở Việt Nam, mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển (hay chính là mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại) có sự kết hợp hài hòa với nhau. Tính truyền thống trong xã hội, được thể hiện qua những giá trị văn hóa được đúc kết trong truyền thống của dân tộc, đó chính là những giá trị vật chất và những giá trị tinh thần của con người Việt Nam. Còn tính hiện đại trong xã hội Việt Nam nó đã được lý tưởng hóa bằng định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội, con đường - định hướng xã hội chủ nghĩa đã trở thành kim chỉ nam cơ sở tái cấu trúc xã hội, là mục tiêu để nhân dân ta vươn tới. Sự hòa hợp ấy nó còn được thể hiện trong bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa, đó là xã hội hướng tới công bằng xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích của con người, hướng tới một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Như vậy, mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển chính là nền tảng để xây dựng hệ thống lý thuyết về phát triển xã hội, vận dụng hiệu quả mối quan hệ biện chứng này sẽ tạo nên một nền móng vững chắc để xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày nay.

CHƯƠNG 2

VẬN DỤNG MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN ĐỂ XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA KHU DÂN CƯ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY

2.1. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1.1. Đặc điểm địa lý

Trong lịch sử dân tộc, Đà Nẵng được biết đến không chỉ là một thành phố cảng lớn nhất miền Trung Việt Nam mà còn là một địa danh gắn liền với công cuộc mở mang bờ cõi Đại Việt từ nhiều thế kỉ trước. Dấu vết của một cửa ngõ giao lưu quốc tế gắn liền với xứ Đàng Trong vẫn còn, và trong dư ba của lịch sử, đây là một tiền đồn quan trọng trong công cuộc chống ngoại xâm của hai cuộc kháng chiến thần thánh vừa qua.

Thành phố Đà Nẵng trải dài từ $15^{\circ}55'$ đến $16^{\circ}14'$ vĩ độ Bắc và từ $107^{\circ}18'$ đến $108^{\circ}20'$ kinh độ Đông, phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên- Huế, phía Tây và Nam giáp tỉnh Quảng Nam, phía đông giáp biển Đông. Trung tâm thành phố cách thủ đô Hà Nội 764km về phía Bắc, cách thành phố Hồ Chí Minh 964km về phía Nam, cách thành phố Huế 108km về hướng Tây Bắc. Đây là một thành phố vừa có núi cao, sông sâu, đồi dốc trung du xen kẽ vùng đồng bằng ven biển hẹp.

Nhìn trên bản đồ, Đà Nẵng rõ ràng là điểm cuối cùng của cả một khu vực rộng lớn. Phía trước mặt là biển cả. Phía sau là Tây Nguyên. Rộng hơn nữa là cả khu vực Đông Dương bao gồm cả Lào, Campuchia, một phần Thái Lan và Myanmar. Ngày nay, việc hình thành hành lang kinh tế Đông - Tây liên quan đến cửa khẩu Lao Bảo, việc mở rộng quốc lộ 24B đi qua vùng ba biên Ngọc Hồi, và trong tương lai, nếu con đường trục chi hướng Tây đi qua bên Giăng, vượt cửa khẩu Đắc Tà Ốc nối Đà Nẵng với vùng cao nguyên Boloven

màu mỡ được đầu tư xây dựng như trong một phác thảo đầy hứa hẹn của giới nghiên cứu lưu ý thời gian gần đây, thì rõ ràng, Đà Nẵng đã được đặt vào, và sẽ phát huy hiệu quả vị trí quan trọng trong việc giao lưu thương mại và văn hóa của cả khu vực rộng lớn vùng sông Mê Kông.

Đà Nẵng nằm ở trung độ của Việt Nam, trên trục giao thông huyết mạch Bắc Nam về cả đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, là cửa ngõ giao thông quan trọng của cả miền Trung và Tây Nguyên, là điểm cuối của hành lang kinh tế Đông Tây đi qua các nước Myanmar, Lào, Thái Lan, Việt Nam.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Theo ngôn ngữ Chăm, địa danh “Đà Nẵng” có thể được giải thích là “sông lớn”, “cửa sông lớn”. Địa danh này đã được ghi chú trên các bản đồ được vẽ từ thế kỉ XVI trở đi. Điều đó có nghĩa là, từ rất sớm, trong cách hình thành tên gọi, tính chất cửa sông lớn, tính chất cảng thị đã được lưu ý như một điểm quan trọng của thành phố.

Là một trong những cửa sông lớn của miền Quảng Nam (mở rộng về phương Nam), từ nhiều thế kỷ trước, kể cả khi Hội An còn đang trong thời kì phát triển rực rỡ vào thế kỉ XVII, cửa biển Đà Nẵng đã được đánh giá rất cao. Năm 1835, khi vua Minh Mạng có dụ: “Tàu Tây chỉ được đậu tại Cửa Hàn, còn các biển khác không được tới buôn bán” thì Đà Nẵng trở thành một thương cảng lớn bậc nhất miền Trung. Năm 1858, cuộc xâm lược của Pháp tại Việt Nam khởi đầu bằng cuộc tấn công vào Đà Nẵng. Sau khi thành lập Liên bang Đông Dương thì Pháp tách Đà Nẵng khỏi Quảng Nam với tính cách là một nhượng địa (concession) và đổi tên thành Tourane. Đơn vị hành chính này chịu sự cai quản trực tiếp của Toàn quyền Đông Dương thay vì triều đình Huế - tuy thị trấn này nằm trong xứ Trung Kỳ.

Tháng 3 năm 1965, Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng và thiết lập ở đây một căn cứ quân sự hỗn hợp lớn. Năm 1967, Đà Nẵng được chính quyền Việt Nam Cộng hòa ấn định là thành phố trực thuộc trung ương và xác định mục tiêu xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm chính trị, quân sự, văn hóa cho vùng I và II chiến thuật.

Năm 1975, hòa bình lập lại, Đà Nẵng (là thành phố thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng) bắt tay vào khôi phục những hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh. Mặc dù còn lắm khó khăn nhưng công cuộc phục hồi và phát triển thành phố đã đạt được nhiều thành quả, nhất là thời kỳ đổi mới, sau 1986.

Từ năm 1997, khi trở thành thành phố trực thuộc trung ương, Đà Nẵng đã có nhiều thay đổi theo hướng tích cực. Trong hơn 10 năm qua, Đà Nẵng đã liên tục thay đổi gương mặt của mình. Chỉ trong mấy năm trở lại đây, Đà Nẵng đã khác trước nhiều. Những vận động nội lực đã khiến Đà Nẵng ngày càng mở rộng tầm vóc của mình. Bắt đầu từ kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là cơ sở về hạ tầng giao thông, tiến hành chỉnh trang đô thị, xây dựng một môi trường mới hiệu theo nghĩa rộng, tạo điều kiện cho công cuộc phát triển mới. Khai thác tốt những lợi thế sẵn có, trong những năm qua Đà Nẵng đã có những biến đổi rõ rệt về nhịp độ và khí thế phát triển. Tốc độ GDP bình quân tăng cao hơn mức bình quân chung của cả nước, giá trị sản xuất các mặt hàng công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản phát triển toàn diện ... kim ngạch xuất khẩu tăng, các ngành du lịch thương mại, dịch vụ chuyển biến tích cực.

Với vị thế là trung tâm kinh tế của khu vực miền Trung - Tây Nguyên, Đà Nẵng là nơi hội tụ các công ty lớn của các ngành dệt may, sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp chế biến, công nghiệp cơ khí, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng...Ngành công nghiệp của thành phố Đà Nẵng đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 20% /năm. Thành phố đang đề ra mục tiêu trở thành một

trong những địa phương đi đầu trong công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa của Việt Nam, trở thành phố công nghiệp trước năm 2020.

2.2. TÌNH HÌNH ĐỜI SỐNG VĂN HÓA KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.2.1. Thực trạng đời sống văn hóa khu dân cư ở thành phố Đà Nẵng

Thành phố Đà Nẵng “Thành phố đáng sống”, đó chính là mục tiêu mà các cấp chính quyền và nhân dân thành phố đang ra sức xây dựng và thực hiện, hay còn có một cái tên khác là “Thành phố 5 không”, “Thành phố 3 có”. Trong vài năm trở lại đây, Đà Nẵng đã có những bước tiến mới trong quá trình xây dựng và phát triển đô thị và chăm lo cuộc sống của toàn dân. Diện mạo thành phố đổi thay từng ngày, môi trường cảnh quan trong lành khang trang, người dân có ý thức, thân thiện và hiếu khách.

Thành phố Đà Nẵng, con người Đà Nẵng đang “thay da đổi thịt” từng ngày, có được sự biến chuyển đó là nhờ sự quan tâm của các cấp chính quyền và sự đồng thuận của nhân dân, trong đó nhân tố văn hóa là một trong những yếu tố góp phần quan trọng, tuy nhiên trên thực tế nền văn hóa cơ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện nay đang tồn tại một số bất cập và chưa phát triển tương xứng với những tiềm lực hiện có. Trong đó vấn đề phát triển văn hóa ở Đà Nẵng hiện nay không phải chỉ dừng lại ở việc phát triển văn hóa nói chung mà còn hướng tới việc phát triển văn hóa đô thị.

Nói tới văn minh, văn hóa, người ta biết đến những gì quý báu, những gì đặc trưng, nổi trội của một cộng đồng, xã hội. Trong xã hội văn minh, sự bùng nổ và phát triển các đô thị cũng kéo theo một khái niệm mới về văn hóa - “*Văn hóa văn minh đô thị*” - hay còn được hiểu là những gì quý báu, những cái đẹp trong cuộc sống đô thị. Văn hóa văn minh đô thị cũng tồn tại và không ngừng phát triển theo dòng thời gian; theo lịch sử đô thị hóa của các vùng

miền, các thành thị mà nó sinh sống. Đối với Đà Nẵng một đô thị đang phát triển thì việc xây dựng nền văn hóa, văn minh đô thị là một tất yếu trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay.

Văn hóa đô thị Đà Nẵng là một tổng thể hữu cơ giữa các lớp văn hóa: Văn hóa nông thôn và văn hóa biển...Ở Đà Nẵng văn hóa nông thôn mang nhiều sắc thái khác nhau, đại diện cho các lớp dân di cư đến từ nhiều vùng miền khác nhau trong thời Pháp thuộc (nhất là nông thôn Quảng Nam; các vùng Bình Trị Thiên, Bình Định, Huế, Quảng Ngãi...). Đặc biệt, Đà Nẵng chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa xứ Quảng (Quảng Nam). Có ý kiến cho rằng: “Con người - văn hóa Đà Nẵng là một bộ phận hữu cơ của cộng đồng dân cư Quảng Nam và văn hóa Quảng Nam. Con người Đà Nẵng, văn hóa Đà Nẵng đã đóng góp tích cực vào sự hình thành nên những giá trị nhân văn, văn hóa Quảng Nam, đồng thời chịu tác động, ảnh hưởng quan trọng của những giá trị nhân văn của văn hóa Quảng Nam. Đó là một thực tế lịch sử” [45,tr.109].

Ngoài ra, với vị trí địa lý gắn liền với biển, nên Đà Nẵng ngay từ buổi khai thiên lập địa đã mang trong mình hơi ấm của biển cả. Chính vì vậy, văn hóa Đà Nẵng cũng được hình thành dựa trên những nét đặc sắc của văn hóa biển, cảng thị. Yếu tố biển không chỉ mang lại sản vật phong phú cho đời sống người dân, mà nó còn khoác trên họ một cách sống, một phong cách tư duy mạnh mẽ, táo bạo, khoáng đạt. Sự giao thoa giữa văn hóa biển truyền thống với văn hóa đô thị của thành phố trẻ đã tạo nên một nét văn hóa đặc sắc: sự phóng khoáng, tự do và coi trọng buôn bán thương mại của cảng thị Đà Nẵng. Văn hóa biển cũng tạo cho người dân Đà Nẵng một tài sản rất lớn: đó là tiềm năng du lịch rộng mở, hệ thống các bãi biển ngày càng được đầu tư xây dựng, nguồn sản vật (hải sản) phong phú. Vị trí địa lý đó làm cho nền văn

hóa của Đà Nẵng có sự giao thoa mạnh mẽ của nhiều nền văn hóa khác nhau trong và ngoài nước.

Đà Nẵng hiện nay được đánh giá là thành phố trẻ và đang có những bước phát triển mạnh mẽ, do vậy vấn đề phát triển văn hóa cũng được quan tâm chú trọng rất nhiều. Nói tới Đà Nẵng, không thể không nhắc tới các cụm từ “Thành phố 5 không”; “Thành phố 3 có”. Ở một khía cạnh nào đó nó đã mang lại cho Đà Nẵng một hiệu ứng tích cực và một thương hiệu rất riêng. Ở đây nói tới một cái “có” rất quan trọng trong cái “thành phố 3 có” ấy. Cụ thể là “có nếp sống văn hóa văn minh đô thị”. Thực tế cho thấy trong những năm qua, Đà Nẵng đã thay đổi diện mạo hoàn toàn, cải thiện đời sống kinh tế - văn hóa, nâng cao chất lượng người dân, cải thiện cảnh quan trong lành, sạch đẹp, người dân thân thiện, mến khách.

Những nhận định đó không phải được nói ra bởi chỉ người dân thành phố Đà Nẵng, mà còn bởi rất nhiều du khách gần xa sau mỗi lần về với mảnh đất này. Tuy nhiên, bên cạnh những hiệu ứng tích cực, cũng cần nhìn nhận khách quan và nhìn thẳng vào vấn đề để thấy được những tồn tại cần khắc phục cũng như những mặt tốt nên phát huy. Bên cạnh đó, thấy được trách nhiệm của mỗi người trong việc xây dựng thành phố ngày một phát triển và văn minh hơn.

Có thể nói, thực trạng đời sống văn hóa của nhân ở thành phố Đà Nẵng có thể được thể hiện bằng một số tiêu chí sau:

a. Về nhận thức của nhân dân về chính sách phát triển văn hóa - xã hội của thành phố

Thông qua quá trình tìm hiểu về đời sống văn hóa của nhân dân trên địa bàn thành phố, và khảo sát nhận thức nhân dân về việc tiếp thu những chính sách phát triển văn hóa của địa phương. Qua khảo sát, số lượng người dân biết đến cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa*” và

Đề án “*Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị*” là 64,2% và các kênh thông tin truyền tải đến người dân nhiều nhất là các phương tiện thông tin đại chúng (62,2%). Đây là một hiệu ứng tích cực trong sự quản lí, thực hiện nghị quyết, đề án của các cấp Chính quyền đối với nhân dân.

b. Về công tác vệ sinh môi trường

Đà Nẵng là một thành phố làm rất tốt công tác vệ sinh môi trường, người dân thành phố rất tự hào là một thành phố Xanh - Sạch - Đẹp - thành phố môi trường. Tại Đà Nẵng, theo kết quả nghiên cứu: môi trường tại địa bàn dân cư được đánh giá là tương đối sạch. Ở những nơi công cộng, được đánh giá sạch nhất là siêu thị, trường học; nơi ô nhiễm nhất là chợ. Hình ảnh những bãi rác nằm ngổn ngang rất dễ nhìn thấy ở các khu chợ. Tuy nhiên vẫn còn tình trạng ô nhiễm rác ở một số con đường.

Tại khu dân cư, công tác vệ sinh được sự phối hợp của cả hai lực lượng là người dân và lực lượng vệ sinh môi trường. Còn ở nơi công cộng công tác vệ sinh chủ yếu do lực lượng môi trường thực hiện.

Thùng rác công cộng góp phần rất lớn trong việc bảo vệ môi trường trong sạch và nâng cao ý thức giữ gìn môi trường của người dân. Tuy nhiên, việc phân bố thùng rác công cộng chưa thực sự hợp lí. Có những nơi bố trí quá nhiều thùng rác trong khi nhu cầu không thực sự cần thiết; có những nơi lại thiếu hoặc quá ít thùng rác trong khi nhu cầu sử dụng cao dẫn đến tình trạng đổ rác chưa đúng nơi quy định vẫn còn xảy ra.

c. Về lối sống của người dân

Ở Đà Nẵng, do có sự xem lẫn giữa nền văn hóa nông thôn, văn hóa biển và sự xuất hiện của nền văn hóa đô thị trong thời kỳ hội nhập kinh tế, do vậy về ý thức lối sống của người dân cũng có sự pha trộn của nhiều yếu tố văn hóa khác nhau.

Dân cư thành phố có nguồn gốc là thị dân chiếm số lượng không nhiều, trong khi quá trình quy hoạch và mở rộng thành phố đã khiến cư dân tại các vùng ven đô bỗng dưng “trở thành thị dân”. Tuy nhiên, trở thành thị dân song những thói quen, tập quán và phong cách sống của người nông dân trong họ vẫn còn, lối sống ấy không thích hợp với văn minh cần có nơi đô thị: từ phong cách giao tiếp, ứng xử đến các mối quan hệ cộng đồng, dòng tộc... Cách sống của một số tiểu nông mới trở thành thị dân với phong cách ứng xử chẳng ra thành thị cũng chẳng ra nông thôn như vi phạm pháp luật vô ý thức, vi phạm chuẩn mực của lối sống đô thị... cũng gây ra không ít bức xúc. Bởi vậy nền văn hóa có sự “Pha trộn lối sống” (giữa lối sống đô thị và lối sống nông thôn) là một đặc điểm dễ nhận thấy ở Đà Nẵng hiện nay.

Trong cộng đồng dân cư mặc dù còn rất nhiều người coi trọng lối sống tinh cảm cộng đồng (hàng xóm, láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau, tình đồng nghiệp...) thì vẫn còn nhiều người dần dần bị xói mòn bởi lối sống tư vị cá nhân (ích kỉ, thực dụng, kín cổng cao tường để yên phận...) Mặc dù đời sống của người dân trong quá trình đô thị hóa được cải thiện rõ rệt, nhu cầu ăn uống, học hành, làm việc được giải quyết chu đáo, tuyên truyền giáo dục nếp sống văn hóa tại khu dân cư được nâng cao. Tuy nhiên, vẫn xảy ra tình trạng hàng xóm láng giềng có những xung đột, tranh chấp tài sản, tệ nạn xã hội...

Bên cạnh đó, bản về ý thức dân sinh, vẫn còn nhiều người không chấp hành đồ rác đúng nơi quy định, nạn lân chiếm vỉa hè vẫn tồn tại phổ biến...

Trước những hành vi xấu người dân thường chỉ quan tâm tùy việc, thậm chí có người còn lảng tránh, không quan tâm. Mọi người chưa có thái độ lên án thẳng thắn đối với hành vi xấu. Vì thế, những hành vi ứng xử thiếu văn hóa nơi công cộng vẫn còn phổ biến ở nơi công cộng.

Từ thực tế đó cho thấy, lối sống văn hóa văn minh đô thị vẫn chưa được hình thành rõ nét. Chính quyền thành phố cũng nhận thấy điều đó và đã đặt ra

hắn một đề án trong chương trình “3 có” là có “nếp sống văn minh đô thị” trong đó nhấn mạnh đến xây dựng nếp sống văn minh của cá nhân, gia đình và xã hội; hành vi văn minh về giao tiếp, sinh hoạt, ý thức cộng đồng... đó chính là mục tiêu mà thành phố đang hướng tới trong giai đoạn hiện nay.

d. Về an toàn giao thông đô thị

Vấn đề an toàn giao thông trong những năm gần đây đã được các cơ quan chức năng chỉ đạo quyết liệt và thực hiện nghiêm túc. Vì thế, các vụ tai nạn giao thông giảm thiểu rõ rệt, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông cũng được nâng cấp. Tuy nhiên, các hành vi vi phạm về trật tự an toàn giao thông vẫn còn xảy ra và các hình thức xử phạt vi phạm luật an toàn giao thông vẫn chưa đạt hiệu quả, thiếu tính răn đe; vẫn còn hiện tượng lấn chiếm vỉa hè và lòng lề đường và mối quan hệ giữa người dân đô thị vẫn chưa thật sự bền chặt... Theo một khảo sát mới đây, đối với người sử dụng các phương tiện giao thông đường bộ, các hành vi vi phạm an toàn giao thông đường bộ thường xuyên nhất là đi quá tốc độ cho phép (38,2%), đi hàng ngang (38,2%), vượt đèn đỏ (36%) và tham gia giao thông sau khi uống rượu bia quá mức cho phép (33,7%). Độ tuổi thường vi phạm là từ 18 - 30 tuổi, chiếm 46%, dưới 18 tuổi chiếm 41,5%. Đối với người đi bộ, những lỗi thường vi phạm là: đi bộ dưới lòng đường (65,2%), băng qua đường không đúng vạch quy định (66,2%), băng qua đường không đúng đèn giao thông (41,6%) và các lỗi khác là 0,7%. Nguyên nhân là do vỉa hè bị lấn chiếm (68,9%), thói quen của người đi bộ (54,8%), không có vỉa hè (28,9%), không có biển báo (18,4%), không có vạch trắng (20,3%), không hiểu luật (43,3%). Về hành vi lấn chiếm vỉa hè lòng lề đường, có 83,3% cho biết địa bàn cư trú của mình có những hành vi lấn chiếm vỉa hè và sau khi bị xử lý những hành vi lấn chiếm vỉa hè, lòng đường ấy vẫn tiếp tục tái diễn.

Giao thông Đà Nẵng luôn tự hào là Thành phố ít xảy ra tình trạng tắc đường. Tuy nhiên, gần đây đang có dấu hiệu cho thấy sự ùn tắc tại các chốt giao thông quan trọng như Ngã ba Huế; Quốc lộ qua cầu vượt Hòa Cầm; nút giao thông hai bên cầu Sông Hàn... và nhiều đầu mối quan trọng khác như nhà ga, trước cổng trường học, chợ... Xuất hiện một số khu vực thường xuyên xảy ra tình trạng ngập úng gây khó khăn cho sinh hoạt của người dân.

e. Về các hoạt động sinh hoạt công cộng

Tại Đà Nẵng, không gian công cộng cho cuộc sống đô thị được đánh giá tương đối đầy đủ. Cuộc sống hiện đại phát triển, đòi hỏi của con người càng cao. Do đó, nhu cầu cá nhân và nhu cầu gia đình thôi thì chưa đủ, người ta cần có những nhu cầu sinh hoạt cộng đồng. Các mô hình không gian công cộng phục vụ hiệu quả đa số người dân phải kể đến hệ thống các Siêu thị, công viên, khu vui chơi, quán cà phê, nhà hàng, quán nhậu, rạp chiếu phim.... Tuy nhiên, cũng có nhiều mô hình không gian công cộng được xây dựng nhưng chưa phát huy hiệu quả và chưa thực sự phục vụ nhu cầu của người dân.

Hoạt động kinh doanh, buôn bán trên vỉa hè ở Đà Nẵng có từ rất lâu và dường như nó ngày càng được mở rộng hơn mặc dù cơ quan chức năng cố gắng hạn chế. Đà Nẵng cũng đã ban hành một số quy định về việc cho phép sử dụng vỉa hè để kinh doanh nhưng việc lấn chiếm vỉa hè, lòng đường trái phép vẫn diễn ra, lộn xộn, nhếch nhác. Ô tô, xe máy, xe đạp đậu để không đúng quy định cùng với bàn ghế được bày ra lấn chiếm lòng đường, lối dành cho người đi bộ... đó là một thực tế đang tồn tại ở Đà Nẵng hiện nay.

Tuy nhiên, Đà Nẵng cũng là một đô thị có nhiều lễ hội văn hóa và hoạt động văn hóa đặc sắc. Đà Nẵng hiện đang sở hữu một hệ thống di sản văn hóa vật thể (di tích lịch sử: thành Điện Hải, Nghĩa trang Hòa Vang...; danh lam thắng cảnh nổi tiếng: Ngũ Hành Sơn, Hải Vân quan...; Di tích kiến trúc nghệ

thuật: Đình Bò Bàn, Đình Túy Loan, Nhà thờ chur phái tộc Hải Châu...) cũng như văn hóa phi vật thể phong phú (Lễ hội Cầu Ngư - Sơn Trà, Thanh Khê; Lễ Hội Quan Thế Âm - Ngũ Hành Sơn... và một số làng nghề truyền thống, trò chơi dân gian...). Hay các hoạt động phát triển văn hóa du lịch với những địa danh nổi tiếng như Bà Nà, Bán đảo Sơn Trà, các cuộc thi trình diễn pháo hoa quốc tế... Tất cả những giá trị văn hóa đó góp phần tôn tạo nên vẻ đẹp cho không gian văn hóa cộng đồng Đà Nẵng.

Bên cạnh những nét văn hóa tiêu biểu đó thì ở Đà Nẵng hiện nay vẫn còn xảy ra một số biểu hiện văn hóa chưa tích cực, đó là việc dân di cư, lao động từ các tỉnh lẻ hoặc các vùng quê tới Đà Nẵng. Do đó, việc quản lí, cải thiện đời sống dân cư cho người lao động và dân di cư gặp nhiều khó khăn do họ không xuất trình giấy tạm trú, không theo đường lối chính sách của chính quyền. Bên cạnh đó, tại địa bàn các trường Đại học, Cao đẳng hoặc Trung cấp chuyên nghiệp thu hút một số đông sinh viên tới thuê trọ. Các vấn đề thời sự hiện nay về sinh viên: tình trạng sinh viên sống thử, tụ tập, tệ nạn... cũng phần nào làm giảm thiểu nét đẹp văn minh đô thị của thành phố.

2.2.2. Vấn đề xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư ở thành phố Đà Nẵng

a. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư”

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư” được thành ủy Đà Nẵng triển khai thực hiện từ những năm 1996 đến năm 2000, thành ủy tiếp tục ban hành Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 04/08/2000 về tăng cường chỉ đạo cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư” và triển khai sâu rộng trên địa bàn Thành phố.

Năm 2012 thành phố Đà Nẵng tiếp tục thực hiện chủ đề “Năm đèn bù, giải tỏa, tái định cư và an sinh xã hội” và là năm đầu tiên thực hiện thông tri số 17/TTr - MTTW - BTT, ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về tiếp tục nâng cao chất lượng Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa khu dân cư*” trong giai đoạn mới với 5 nội dung đồng thời tiếp tục lồng ghép thực hiện chương trình xây dựng “Thành phố năm không”. Và thực hiện chương trình “Thành phố ba có” và thực hiện chỉ thị số 24 - CT/TU, ngày 10/08/2009 của thành ủy Đà Nẵng về tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt nghèo, học sinh bỏ học và thiếu niên hư, vi phạm pháp luật trên địa bàn thành phố.

Kết quả thực hiện cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư*” cụ thể như sau:

** Phong trào đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo.*

Theo kế hoạch giảm nghèo năm 2012, đầu năm toàn thành phố có 6.767 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 2,98% tổng số hộ dân cư.

Trong năm 2012, từ nguồn Quỹ “*Vì người nghèo*” các cấp và các nguồn vận động an sinh xã hội đã giúp cho 5.386 hộ vươn lên thoát nghèo, đạt 79,6% kế hoạch giảm nghèo, đưa tỷ lệ giảm nghèo toàn thành phố xuống còn 0,6%. Để thực hiện công tác giảm nghèo, Mặt trận các cấp đã tích cực vận động xây dựng Quỹ “*Vì người nghèo*”

Từ Quỹ “*Vì người nghèo*” 3 cấp trong 10 tháng đã xây mới 104 nhà Đại đoàn kết với tổng số tiền hỗ trợ là : 3.349.495.000 đồng và sửa chữa 380 nhà với tổng số tiền hỗ trợ là : 2.164.663.000 đồng.

Cùng với Quỹ “*Vì người nghèo*”, các chương trình an sinh xã hội đã được đẩy mạnh. Tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2012, Quỹ “*Vì người*

nghèo” và chương trình anh sinh thành phố đã chi hỗ trợ cho người nghèo, hộ nghèo trên địa bàn thành phố với tổng số tiền là: 66.141.688.000 đồng. Nội dung chi hỗ trợ gồm: xây và sửa chữa nhà, hỗ trợ đời sống trong dịp tết Nhâm Thìn; hỗ trợ khó khăn đột xuất, khám chữa bệnh, điều trị bệnh dài ngày, hỗ trợ học sinh nghèo. Cụ thể hỗ trợ xây mới và sửa chữa 719 căn nhà; giúp phát triển sản xuất 1.708 hộ nghèo; hỗ trợ 21.653 lượt người nghèo khám chữa bệnh; hỗ trợ 8.617 học sinh con hộ nghèo có điều kiện tiếp tục đi học.

** Phong trào đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; chăm lo sự nghiệp giáo dục; chăm sóc sức khỏe; thực hiện dân số kế hoạch hóa gia đình có chuyển biến tích cực.*

Đề án “Có nếp sống văn hóa văn minh đô thị” tiếp tục được các khu dân cư tổ chức thực hiện lồng ghép trong phong trào xây dựng khu dân cư văn hóa, thôn văn hóa.

Đến 30 tháng 9 năm 2012, toàn thành phố có 2.261 khu dân cư (tổ dân phố, thôn), trong đó có 2.143 tổ dân phố và 118 thôn.

Đầu năm có trên 95% hộ gia đình đăng ký thực hiện gia đình văn hóa. Qua bình xét có 167.995 hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, đạt 73,95% tổng số hộ gia đình. Có 1.477/2261 tổ, thôn đạt danh hiệu văn hóa, đạt 65%/ tổng số khu dân cư toàn thành phố. Đến nay có 502 khu dân cư có nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng đạt tỷ lệ 22,3%, trong đó 118/118 thôn đều có nhà sinh hoạt thôn được trang bị thiết chế văn hóa.

Mặt trận các cấp, nhất là ở cơ sở tập trung tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân chương trình cải cách giáo dục và đồng tình với cuộc vận động nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục. Công tác khuyến học, khuyến tài được quan tâm, có chính sách quan tâm tới

các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt nghèo, học sinh bỏ học, thiếu niên hư, vi phạm pháp luật trên địa bàn thành phố. Tính đến nay đã có 2052/2261 khu dân cư không có trẻ em bỏ học, 1546/2261 khu dân cư có quỹ khuyến học, 1686/2261 khu dân cư có phong trào thể dục thể thao thường xuyên, phong trào đăng ký khu dân cư không có người sinh con thứ 3 trở lên được nhân dân hưởng ứng tích cực, có 1685/2261 khu dân cư không có người sinh con thứ 3.

** Phong trào đoàn kết xây dựng môi trường cảnh quan sạch đẹp:*

Ở các khu dân cư công tác vệ sinh môi trường luôn được chú trọng thông qua các hoạt động “Ngày chủ nhật xanh- sạch- đẹp”, các mô hình “Đường an toàn- văn minh- sạch đẹp” tiếp tục được duy trì và phát triển, đã xây dựng được 1.925/2.261 khu dân cư đảm bảo đường làng, ngõ phố sạch đẹp. Việc hỗ trợ vắc hộ gia đình được sử dụng nước sạch, có nhà tắm, hố xí hợp vệ sinh được Mặt trận và các tổ chức thành viên tiếp tục quan tâm và có chương trình hỗ trợ cụ thể, trong hoạt động này nổi bật là các địa phương: quận Thanh Khê, Hải Châu, huyện Hòa Vang và quận Liên Chiểu đã tích cực triển khai thực hiện mô hình “*Khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường*” do Mặt trận thành phố phát động và mô hình “*Tổ dân phố không rác*” do thành phố phát động. Trong năm 2012 có 2.117/2.261 khu dân cư có phong trào vệ sinh môi trường tốt, ở các khu dân cư này đều có 100% hộ dân được sử dụng nước sạch, có nhà tắm, hố xí hợp quy cách và phong trào xây dựng “đoàn đường tự quản - xanh - sạch - đẹp” được duy trì thường xuyên.

** Phong trào đoàn kết phát huy dân chủ, chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh tiếp tục được đẩy mạnh:*

Mặt trận cơ sở tiếp tục vận động tuyên truyền trong nhân dân tham gia thực hiện tốt Nghị quyết TW 8, khóa IX về chiến lược “Bảo vệ an ninh trong tình hình mới”, Chi thị của Thủ tướng Chính phủ về “Tiếp tục thực hiện Nghị

quyết 09/CP và Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm đến năm 2010”, Nghị quyết 32 của Chính Phủ về giảm thiểu tai nạn giao thông. Các mô hình “Câu lạc bộ 09”, “Câu lạc bộ sau cai”, “Tổ dân phố, thôn không có tội phạm và tệ nạn xã hội” tiếp tục được phát triển. Chương trình bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được thực hiện có hiệu quả. Đặc biệt, mô hình “Tộc họ không có người vi phạm pháp luật”

Phong trào thực hiện đảm bảo trật tự an toàn giao thông, ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ và quy định đội mũ bảo hiểm khi đi xe mô tô, xe gắn máy đã được nâng lên rõ rệt. Phong trào xây dựng tuyến đường an toàn - văn minh, đảm bảo đường thông, hè thoáng, học sinh không đi xe máy đến trường và “công trường bình yên” thực hiện tương đối tốt. Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã được 100% khu dân cư tổ chức tốt với nhiều hoạt động phong phú.

Trên cơ sở thực hiện quyền dân chủ cho nhân dân, ở các địa phương đã xây dựng quy ước, hương ước theo các nội dung thực hiện quy chế dân chủ. Đã có 1899/ 2261 khu dân cư xây dựng quy ước, hương ước của địa phương, trong đó có 1859 quy ước, hương ước được cấp thẩm quyền phê duyệt.

** Phong trào đoàn kết, tương trợ, giúp nhau trong cộng đồng; phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”, “Tương thân, tương ái” tiếp tục được đẩy mạnh:*

Mặt trận các cấp tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động hướng tới kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ bằng những việc làm cụ thể. Hiện nay trên địa bàn thành phố có 133 Mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống và đều được các cơ quan, tổ chức nhận phụng dưỡng suốt đời với mức trên 500.000đ/ tháng/ người.

Trong năm 2012 Mặt trận các cấp đã vận động được trên 3.800 triệu đồng vào Quỹ đền ơn đáp nghĩa; giúp đỡ xây mới 54 nhà tình nghĩa và sửa

chữa 637 nhà với tổng số tiền hơn 12 tỷ 255 triệu đồng, vận động 320 số tiết kiệm với giá trị hơn 200 triệu đồng để tặng các gia đình chính sách... Có 56/56 phường xã làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ và có nhiều hoạt động cụ thể trong các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

b. Đề án “Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị”

Đề án “*Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị*” được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và đưa vào thực hiện từ ngày 03/10/2005, điều này cho thấy vấn đề xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị là vấn đề có ý nghĩa lớn trong việc phát triển đô thị theo hướng bền vững.

Nếp sống là hành vi ứng xử của con người đã trở thành thói quen, được xã hội thừa nhận và làm theo.

Nếp sống văn hóa - văn minh đô thị là nếp sống theo các chuẩn mực giá trị của văn hóa dân tộc và đáp ứng yêu cầu tổ chức cuộc sống tốt đẹp của cộng đồng trong môi trường sinh hoạt đô thị, công nghiệp phát triển.

Mục tiêu của đề án tập trung xây dựng các hành vi ứng xử văn hóa - văn minh và chống các hành vi thiếu văn hoá, vi phạm nếp sống văn hóa - văn minh đô thị; làm cho mọi người, mọi cộng đồng dân cư có nếp sống tôn trọng luật pháp, tôn trọng quy định, quy ước của cộng đồng. Phấn đấu đến cuối năm 2010, cơ bản định hình một số hành vi ứng xử văn hóa - văn minh và trở thành nếp sống của nhân dân thành phố.

Đề án tập trung vào thực hiện một số nội dung sau:

- Sống và làm việc theo pháp luật và quy định, quy ước của cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị.

- Có tinh thần yêu nước, yêu quê hương; có lòng tự hào dân tộc, tự hào quê hương; có ý chí tự lực, tự cường, phấn đấu vì quê hương giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

- Sống hướng về cội nguồn tổ tiên, biết gìn giữ, phát huy truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc; giữ gìn các phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc : “tôn sư trọng đạo”, tôn trọng người già, phụ nữ, thương yêu trẻ em; tương thân, tương ái, “lá lành đùm lá rách”...

- Có ý thức đoàn kết cộng đồng, có tinh thần hợp tác, biết giúp đỡ mọi người; tôn trọng lợi ích của người khác và của cộng đồng trong giao tiếp, lao động, sản xuất và trong hợp tác giao lưu quốc tế.

- Sống và làm việc theo tác phong công nghiệp, có ý thức gánh vác việc công, bảo vệ tài sản công; biết bảo vệ và giữ gìn vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, trật tự công cộng.

- Có lối sống lành mạnh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, thùy chung; có tinh thần khiêm tốn, hiếu học, thường xuyên học tập để không ngừng nâng cao nhận thức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của nhân loại.

- Thực hiện việc hôn nhân đúng luật, sống hạnh phúc; tổ chức việc cưới, việc tang, lễ hội đúng quy định, không xa hoa, lãng phí; không mê tín dị đoan; không sử dụng văn hóa phẩm đồi trụy.

Đề án đã được triển khai và phổ biến sâu rộng đến tất cả các tầng lớp nhân dân đang sinh sống và làm việc tại thành phố Đà Nẵng, trong đó tập trung vào ba nhóm đối tượng chính (Nhân dân ở địa bàn dân cư; Cán bộ, công chức, người lao động ở cơ quan, công sở, doanh nghiệp; Học sinh, sinh viên ở các trường học và thanh thiếu niên).

Đề án “*Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị*” hướng tới xây dựng và hình thành nếp sống văn hóa mới cho các tầng lớp nhân dân, trong đó tập trung vào hình thành nếp sống văn hóa của cá nhân, nếp sống gia đình và nếp sống xã hội.

Nếp sống cá nhân: Nếp sống cá nhân là nhân tố quyết định để hình thành nếp sống gia đình, nếp sống xã hội. Trong quá trình đô thị hóa, lượng thông tin đến với mỗi cá nhân (cả tốt lẫn xấu) qua các kênh khác nhau ngày một tăng. Vì vậy, cần thông qua các biện pháp tuyên truyền để định hướng giáo dục, ngăn chặn những tác hại về tư tưởng, đạo đức, lối sống và thẩm mỹ. Qua giáo dục và giao tiếp, từng bước hình thành các quy tắc ứng xử cá nhân mang tính văn hóa - văn minh đô thị trong nếp ăn, ở, mặc, đi lại, giải trí, nói năng, chào hỏi, học tập, lao động, sinh hoạt, hội họp, đối xử bạn bè và trong các quan hệ xã hội khác.

Nếp sống cá nhân văn hóa - văn minh của mỗi người phải được hoàn thiện không ngừng và được thể hiện qua các hành vi ứng xử, giao tiếp trong gia đình, cộng đồng dân cư, ở cơ quan, đơn vị, trường học, nơi lao động và đặc biệt là ở nơi công cộng.

Nếp sống gia đình: Gia đình là tế bào của xã hội, gia đình tốt thì xã hội tốt. Xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh gia đình cũng chính là nhằm vào hoàn thiện nhân cách các thành viên trong gia đình và hình thành nếp sống văn hóa - văn minh trong xã hội. Giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa quý báu của dân tộc, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác là trách nhiệm của gia đình: sự chung thủy giữa vợ và chồng; lòng hiếu thảo của con cháu đối với cha mẹ, ông bà; sự tôn kính, biết ơn tổ tiên; sống có nghĩa, có tình với anh em, họ hàng, làng xóm... Đồng thời, tiếp thu và thể hiện những tư tưởng tiến bộ: tôn trọng và thực hiện quyền bình đẳng giới, chăm sóc trẻ em, người tàn tật.

Nếp sống xã hội: Bao gồm nhiều loại quy tắc ứng xử, nhiều kiểu loại nếp sống của cá nhân ở mỗi cộng đồng. Cần xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị ở cơ quan, trường học, tổ dân phố, khu chung cư... ; xây dựng ý thức giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh nơi công cộng, bảo vệ môi trường; giữ gìn

kỷ cương pháp luật, trật tự giao thông, trật tự đô thị; các ứng xử trong lao động sản xuất, trong sinh hoạt lễ hội, trong hội họp, hành xử công vụ...

Ngoài ra, trong nội dung xây dựng đề án cũng đưa ra hệ thống các quy tắc, và một số quy định yêu cầu về hành vi của nhân dân nói công cộng, cũng như những quy định về một số hành vi bị nghiêm cấm để yêu cầu nhân dân thực hiện để hướng tới thực hiện trật tự đô thị được hoàn thiện hơn. Trong đó tập trung tăng cường phòng, chống và hoàn thiện các nhóm hành vi còn tồn tại, hạn chế và vi phạm nếp sống văn hóa - văn minh đô thị, cụ thể như: quảng cáo, rao vặt sai quy định; rải vàng mã; vi phạm trật tự an toàn giao thông; lấn chiếm vỉa hè, lòng, lề đường; ăn xin trá hình; chèo kéo, bu bám khách du lịch; gây rối trật tự công cộng; vứt rác, súc vật chết bừa bãi... Đồng thời, tập trung triển khai các nội dung: xây dựng quan hệ giao tiếp, ứng xử văn minh nơi công cộng và trong cộng đồng dân cư để Đà Nẵng là “một trong những thành phố hài hòa, thân thiện, an bình và có đời sống văn hóa cao”; thực hiện tốt các quy định về an toàn giao thông, trật tự đô thị để góp phần xây dựng Đà Nẵng thành “một thành phố giàu tính nhân văn, hấp dẫn và đáng sống”; “một thành phố có môi trường đô thị văn minh, có thiên nhiên trong lành”

Kết quả thực hiện đề án: Sau một thời gian thực hiện từ năm 2005 cho đến nay, đề án đã thu được những kết quả cụ thể như sau:

** Về công tác tuyên truyền, giáo dục*

Hoạt động tuyên truyền được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như: đã biên soạn và phát hành hơn 20.000 cuốn tài liệu, 200.000 tờ rơi, tờ gấp các loại tuyên truyền xây dựng *nếp sống văn hóa - văn minh đô thị* đến các sở ngành, đoàn thể, địa phương; thực hiện tuyên truyền cổ động trực quan với hơn 500 panô cổ động trực quan trên các tuyến đường chính từ thành phố đến quận, huyện; tổ chức triển lãm ảnh thời sự, nghệ thuật, các hội thi, hội diễn, cuộc thi ảnh báo chí với chủ đề “Đà Nẵng và *nếp sống văn hóa - văn*

minh đô thị”; tổ chức các đội thông tin tuyên truyền lưu động về thực hiện *nếp sống văn hóa - văn minh đô thị*; phát động, ra quân hàng trăm đợt tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng về nội dung các văn bản chỉ đạo của thành phố xây dựng *nếp sống văn hóa - văn minh đô thị* dưới hình thức loa phát thanh, phát băng cassette, xe cộ động; tập huấn về văn minh thương mại cho các hộ kinh doanh; phát hành tờ rơi, quy ước thực hiện *nếp sống văn hóa - văn minh đô thị* đến từng hộ dân; phát động mỗi tổ dân phố xây dựng một đoạn đường văn minh sạch đẹp, thực hiện *nếp sống văn minh* trong việc cưới, tang, lễ hội, tháo bỏ các am miếu thờ, vật cúng đặt không đúng quy định nơi công cộng...

Các sở, ngành, đoàn thể thành phố ngoài việc triển khai thực hiện trong nội bộ ngành, đơn vị, còn tổ chức tuyên truyền đến các đối tượng thuộc ngành quản lý. Sở Công Thương tổ chức phát động Chương trình “Tháng văn minh thương mại” đến 4 siêu thị, 2.500 hộ kinh doanh tại các chợ, phố mua sắm, 305 doanh nghiệp; xây dựng tiêu chí mẫu: bán hàng không nói thách, bán theo giá niêm yết; đưa việc cấm đốt nhang, giấy vàng, mã... vào tiêu chí xây dựng “Cửa hàng văn minh”, “Quầy hàng văn minh” để các đơn vị căn cứ thực hiện. Thực hiện các Quyết định của thành phố về “Quản lý và sử dụng vỉa hè ngoài mục đích giao thông trên các tuyến đường thuộc địa bàn thành phố”, Sở Giao thông - Vận tải tổ chức cho hơn 7.200 hộ kinh doanh ký cam kết không lấn chiếm vỉa hè để buôn bán, dành vỉa hè thông thoáng cho người đi bộ và để xe mô tô, xe đạp đúng nơi quy định...

** Về công tác phát huy vai trò, tác động xã hội thông qua quy ước, hương ước cộng đồng*

Các quận, huyện trên địa bàn thành phố đã ban hành quy ước mẫu về thực hiện *nếp sống văn hóa - văn minh đô thị* tại các thôn, tổ dân phố. Hơn 1.700 quy ước được xây dựng tại 2.174 khu dân cư, trong đó có 1.522 quy

ước đã được phê duyệt để tổ chức thực hiện. Các quận Hải Châu, Liên Chiểu, Cẩm Lệ và huyện Hòa Vang thực hiện sao in quy ước và phát hành đến 100% thôn, tổ dân phố, hộ gia đình để ký cam kết thực hiện và tổ chức xây dựng mô hình điểm trong khu dân cư. Bên cạnh đó, một số quận, huyện còn vận động Hội đồng gia tộc các tộc, họ xây dựng tộc ước về thực hiện *nếp sống văn hóa - văn minh đô thị*, ký cam kết không để con em trong gia tộc vi phạm *nếp sống văn hóa - văn minh đô thị*

* *Về công tác triển khai xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng công cộng*
 Để đảm bảo điều kiện để người dân thực hành *nếp sống văn hóa - văn minh đô thị*, thành phố đã tập trung đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình điện chiếu sáng, đường nhựa, hệ thống cấp thoát nước ở khu dân cư; đầu tư hệ thống thùng rác, nhà vệ sinh công cộng, hệ thống thu gom nước thải, biển báo giao thông, kẻ vạch sơn mới tại các giao lộ có hệ thống đèn tín hiệu; sửa chữa, cải tạo hệ thống bể nước ngầm, nhà vệ sinh, trang bị bàn inox trong các khu chợ trung tâm để đảm bảo sạch sẽ, văn minh thương mại... Thành phố chỉ đạo phát triển chương trình cây xanh trên các tuyến phố, khu dân cư bằng cách trồng mới, trồng bổ sung, chăm sóc, duy trì cây xanh, thâm cỏ, thâm hoa theo đúng quy trình kỹ thuật, phủ xanh các nút giao thông; xây dựng vườn ươm Hoà Ninh, Hoà Thọ, Hoà Cẩm, đường Nguyễn Tất Thành... nhằm tạo nguồn cây xanh cho thành phố. Thành phố cũng đã đầu tư cải tạo, xây dựng các công trình văn hoá công cộng như: xây dựng hệ thống mương thoát nước thải, công bao xử lý vệ sinh môi trường, hệ thống kè hồ trong Công viên 29-3; bố trí, xếp đặt hài hoà các tác phẩm điêu khắc, tượng đá, hệ thống cây xanh, hoa cảnh, thâm cỏ tạo điểm nhấn cho mỹ quan đô thị tại các điểm công cộng như Công viên Bạch Đằng Đông, đường Trần Hưng Đạo, vườn hoa đường Bạch Đằng Tây...; ban hành thiết kế mẫu đối với các công trình xây dựng tại các trục đường chính của thành phố như đường Nguyễn Tri Phương, Điện Biên

Phủ, 30-4..., các mẫu nhà hội họp tổ dân phố và sinh hoạt cộng đồng; xây dựng qui định về quản lý quảng cáo, quy định lộ giới các tuyến đường...

** Về công tác quản lý nhà nước về trật tự đô thị*

Thành phố chỉ đạo các lực lượng thanh tra chuyên ngành, liên ngành, các đội kiểm tra quy tắc đô thị thành phố và các quận, huyện tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm liên quan đến *nếp sống văn hóa - văn minh đô thị* đã quy định trong các Nghị định của Chính phủ, tập trung vào các lĩnh vực trật tự an toàn xã hội, giao thông đường bộ, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã tổ chức hơn 1.000 đợt kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, quảng cáo; phối hợp các ngành chức năng, các địa phương ra quân vận động nhân dân xoá các quảng cáo, rao vặt, viết vẽ trên tường nhà, tường rào, đường phố (thực hiện hơn 1.000 lượt tẩy xoá các loại quảng cáo, rao vặt trên các tuyến đường, lập biên bản xử lý hơn 30 số điện thoại di động và 4 số điện thoại cố định vi phạm, tiêu hủy văn hóa phẩm vi phạm, văn hóa phẩm bị tịch thu)...

Từ những kết quả trên, đã góp phần làm chuyển biến rõ rệt trong nhận thức của cán bộ và nhân dân thành phố về xây dựng *nếp sống văn hóa - văn minh đô thị*, thể hiện qua sự thay đổi tích cực trong một số hành vi như: việc rải giấy vàng mã, vật cúng trên đường; đặt am miếu thờ, vật thờ cúng nơi công cộng; nằm trên đất, ghé... trong vườn hoa, công viên, khu vực tượng đài, hè phố, nhà chờ xe buýt; treo các vật dụng, phơi áo quần, chăn màn nơi công cộng, phía mặt tiền đường phố, khu chung cư làm mất mỹ quan đô thị; tình trạng quảng cáo, rao bán hàng bằng loa, đài trên đường phố, trong khu dân cư, nơi công cộng và chèo kéo, bắt chẹt, tranh giành khách, đeo bám khách du lịch... giảm hẳn; nhiều cửa hàng kinh doanh ăn uống đã trang bị phương tiện đựng rác cho từng bàn ăn... Công tác quản lý và giải quyết tình trạng người

lang thang xin ăn cơ bản được thực hiện triệt để. Hoạt động đánh giày, bán sách báo đạo, bán hàng rong được cho phép diễn ra trên một số tuyến đường quy định, góp phần ổn định trật tự xã hội và tạo ra *nếp sống văn hóa - văn minh đô thị* trên địa bàn thành phố. Mặt trận, đoàn thể các cấp đã xây dựng thành công một số mô hình, công trình tự quản về thực hiện *nếp sống văn hóa - văn minh đô thị* ở cơ sở, khu dân cư, đường phố như “Đoạn đường văn minh - sạch đẹp”, “Đoạn đường tự quản”, “Bãi tắm văn minh”, “Ngày Chủ nhật - xanh - sạch - đẹp”..., góp phần từng bước xây dựng Đà Nẵng trở thành thành phố văn minh, hiện đại.

2.2.3. Những thành tựu và một số vấn đề đặt ra cho thành phố

a. Những thành tựu

**** Những đổi thay về kinh tế xã hội***

Thành phố Đà Nẵng từ khi thành lập và trở thành đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương (1997), sau đó được công nhận là đô thị loại I cấp quốc gia (2003), đã không ngừng vươn lên đạt được nhiều thành tựu to lớn cả về kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, cùng với đó là tốc độ đô thị hóa nhanh chóng.

Qua 15 năm trở thành đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, kinh tế - xã hội của thành phố đạt được nhiều thành tựu nổi bật. Từ một địa phương được thành lập trên cơ sở thành phố Đà Nẵng (trực thuộc tỉnh) và huyện Hòa Vang trước đây, công nghiệp manh mún, nhỏ lẻ, chủ yếu là sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thương mại chủ yếu là buôn bán nhỏ, du lịch, dịch vụ rất kém phát triển. Với dân số 672.468 người, thu nhập bình quân trên đầu người/năm khoảng 318 USD, tổng thu ngân sách đạt 1.190,5 tỷ đồng, giá trị sản xuất công nghiệp- xây dựng đạt khoảng 760,944 tỷ đồng, giá trị sản xuất khối thương mại- dịch vụ đạt khoảng 1.292 tỷ đồng, thì đến nay, sau 15 năm: dân

số thành phố đạt khoảng 926.000 người, tăng khoảng 1,4 lần; thu thập bình quân đầu người/năm khoảng 2.283 USD, tăng 7,2 lần so với năm 1997, gấp khoảng 1,8 lần mức bình quân của cả nước, tổng thu ngân sách địa phương đạt 17.004 tỷ đồng, gấp 14,3 lần năm 1997; giá trị sản xuất công nghiệp- xây dựng ước thực hiện 14.855 tỷ đồng, gấp 19,5 lần; giá trị sản xuất khối thương mại dịch vụ đạt 42.670 tỷ đồng, gấp gần 33 lần. Năm 2000, tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn là 2.359,2 tỷ đồng, thì đến năm 2011, tổng vốn đầu tư phát triển ước đạt 25.133,3 tỷ đồng, tăng 10,7 lần. Các lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao, y tế, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ cũng đạt được nhiều thành tựu to lớn. Diện mạo của thành phố ngày càng khang trang, đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận nhân dân thành phố được cải thiện rõ rệt, kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ và khá hiện đại; văn hóa, văn minh đô thị được nâng lên, quốc phòng- an ninh ổn định, vững chắc.

Đến nay, thành phố Đà Nẵng đã được Chính phủ công nhận là Đô thị loại I cấp quốc gia (từ năm 2003), là một cực phát triển của cả nước, có vai trò, vị trí là đầu tàu kinh tế, là thủ phủ miền Trung - Tây Nguyên, được xác định tại Nghị quyết số: 33-NQ/TW ngày 16 tháng 10 năm 2003 của Bộ Chính trị là *một trong những đô thị lớn của cả nước, là trung tâm kinh tế- xã hội lớn của miền Trung với vai trò là trung tâm công nghiệp, thương mại du lịch và dịch vụ; là thành phố cảng biển, đầu mối giao thông quan trọng về trung chuyển vận tải trong nước và quốc tế; trung tâm bưu chính - viễn thông và tài chính- ngân hàng; một trong những trung tâm văn hoá - thể thao, giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ của miền Trung; là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của khu vực miền Trung và cả nước.*

Tốc độ đô thị hóa Đà Nẵng được xếp vào hạng nhất cả nước. Thành tựu văn hóa - xã hội và chất lượng sống của người dân theo đó cũng đi lên. Thành phố Đà Nẵng có hai khu công nghiệp lớn là khu công nghiệp Hòa Khánh và

khu công nghiệp Hòa Cầm, ngoài ra còn có rất nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển.

Bên cạnh những thành tựu nổi bật của phát triển kinh tế, Đà Nẵng cũng không ngừng tìm cách nâng cao chất lượng sống của người dân. Đảm bảo quyết tâm cao thực hiện mục tiêu “5 không” (không có hộ đói, không có mù chữ, không có người lang thang xin ăn, không có người nghiện ma túy trong cộng đồng, không có giết người để cướp của), thành phố cũng tiếp tục triển khai chương trình “3 có” (có nhà ở, có việc làm và có nếp sống văn minh đô thị). Sau mấy năm thực hiện mục tiêu và chương trình đặt ra, hiện nay thành phố Đà Nẵng vui mừng đón nhận thành quả bước đầu của chương trình. Mức sống của người dân được cải thiện rõ rệt. Các hộ dân có tiền sắm nhà to, mua ô tô, xe máy, chăm lo con cái học hành chu đáo và thành đạt, quan tâm tới nhu cầu giải trí, chăm sóc sắc đẹp nhiều hơn... Đây là một dấu hiệu đáng mừng cho thấy một nền văn hóa - văn minh đô thị đang hình thành và phát triển.

Mục tiêu và phương hướng tổng quát trong những năm tiếp theo là: xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một đô thị lớn của cả nước; là trung tâm kinh tế - xã hội của miền Trung với vai trò là trung tâm dịch vụ; là thành phố cảng biển; đầu mối giao thông quan trọng về trung chuyển vận tải trong nước và quốc tế; trung tâm bưu chính - viễn thông và tài chính - ngân hàng; một trong những trung tâm y tế, văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ; trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của miền Trung và cả nước, tạo nền tảng để xây dựng thành phố trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020.

Tầm nhìn đến năm 2020 là: Xây dựng Đà Nẵng thành một đô thị sinh thái - phát triển bền vững, với cơ cấu kinh tế hiện đại, các ngành dịch vụ

(du lịch, thương mại, vận tải, viễn thông, tài chính - ngân hàng, giáo dục - đào tạo, y tế...) phát triển mạnh, chất lượng cao, đóng góp lớn vào phát triển kinh tế thành phố; công nghiệp phát triển theo hướng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng; kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và thông tin đồng bộ, hiện đại; môi trường văn hóa lành mạnh; quy mô dân số không vượt quá 1,5 triệu người.

** Những đổi thay về văn hóa - xã hội*

Nhắc đến Đà Nẵng là người ta thường nghĩ ngay đến chương trình “5 không, 3 có”, đã làm nên thương hiệu và bản sắc riêng của Đà Nẵng trong suốt những năm qua. 5 không - đó là không có hộ đói, không có người mù chữ, không có người lang thang xin ăn, không có người nghiện ma túy trong cộng đồng, không có giết người cướp của.

Từ cuối năm 2000, Đà Nẵng đã hoàn thành mục tiêu không có hộ đói; cuối năm 2004, cơ bản hoàn thành mục tiêu không còn hộ nghèo, trong 2 năm 2001 và 2002 hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ đến người cuối cùng trong độ tuổi 6-35, tập trung 1.537 lượt người lang thang xin ăn vào Trung tâm Bảo trợ xã hội, giải quyết cho 14.570 lượt đối tượng xã hội được hưởng chế độ trợ cấp cứu trợ thường xuyên, giải quyết cứu trợ đột xuất cho 101.964 lượt người gặp khó khăn, hoạn nạn. Về tội phạm ma túy, từ năm 2001 đến 2005, Công an thành phố đã bắt và xử lý 245 vụ, gồm 705 đối tượng, kiểm chế được sự gia tăng tội phạm về ma túy.

Sau "5 không", Đà Nẵng tiếp tục triển khai chương trình "3 có" - Có nhà ở, có việc làm, có nếp sống văn hóa, văn minh đô thị. Do triển khai tích cực và có cách làm hiệu quả mà bình quân hằng năm Đà Nẵng đã giải quyết công ăn việc làm cho 30 - 32 nghìn lao động, hơn 9.000 căn hộ được dành cho những người thiếu chỗ ở. Từ năm 2005, "Thành phố môi trường", tiếp tục thực hiện và triển khai đề án mới thể coi là hướng phát triển của việc xây

dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị (Đề án Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị)

Về quy hoạch đô thị, thành phố đã có những việc làm sáng tạo đem lại bộ mặt khang trang và hiện đại cho Đà Nẵng. Đà Nẵng đã mạnh dạn xây dựng những công trình đường xá, cầu cống hiện đại phục vụ cho nhu cầu của nhân dân và phát triển du lịch. Việc làm này đã tạo ra những con đường khang trang, sạch đẹp do việc xây dựng đồng bộ, tránh được nhà siêu mỏng, siêu méo, mà nó còn tạo ra nguồn vốn lớn từ chính quỹ đất này do đường sá khang trang, rộng rãi.

Song song với việc phát triển du lịch thành phố cũng mạnh dạn xây dựng những công trình cơ sở hạ tầng vừa sử dụng cho sinh hoạt của người dân nhưng cũng vừa phục vụ cho việc phát triển du lịch của thành phố như cầu quay sông Hàn, cầu Thuận Phước, và mới đây là cầu Rồng và cầu mới Trần Thị Lý...

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, thực hiện chính sách xã hội, dân số-gia đình và trẻ em ngày càng tốt hơn. Chủ trương của thành phố hướng đến là xã hội hoá trong khám, chữa bệnh phát triển, nhiều bệnh viện tư nhân đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân. Việc khám, điều trị, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày càng được coi trọng thể hiện qua chất lượng điều trị và thái độ phục vụ; cơ sở vật chất của ngành y tế được tăng cường. Thực hiện khá tốt Chương trình y tế quốc gia, y tế cộng đồng, phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Đời sống, việc làm của các đối tượng chính sách, người có công với nước, đối tượng xã hội và người nghèo được các cấp uỷ đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể đặc biệt quan tâm thông qua việc thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; đồng thời có những chính sách hỗ

trợ, tạo việc làm thiết thực vì cuộc sống, vì sự an dân, đã tạo sự ổn định cho nhân dân. Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc gia đình có công cách mạng, Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình thương binh, liệt sỹ, hộ nghèo, hoàn cảnh neo đơn không nơi nương tựa; giúp đỡ cho hàng trăm em thiếu niên tiến bộ, hàng trăm em bỏ học, có nguy cơ bỏ học được tiếp tục đến trường.

Phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao được đẩy mạnh và đi vào chiều sâu, chất lượng mang tính giáo dục. Tăng cường thiết chế văn hoá cơ sở, đã góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hoá và đời sống tinh thần cho nhân dân. Đã hình thành được một số điểm sáng về văn hoá, những môn thể thao thành tích cao. Chương trình “5 không”, “3 có” của thành phố, các phong trào đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội được lồng ghép với các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, “Phong trào giúp nhau xoá đói, giảm nghèo”, “Đền ơn, đáp nghĩa”, đã đem lại kết quả lớn, tạo được chiều sâu của phong trào và sức lan toả mạnh.

b. Những hạn chế và nguyên nhân

**** Những hạn chế***

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, quá trình thực hiện cuộc vận động và thực hiện đề án vẫn còn những hạn chế: chất lượng cuộc vận động chưa đều, chưa sâu cả về địa bàn và nội dung, bên cạnh những điển hình văn hóa tiêu biểu ở cấp cơ sở thì vẫn còn tồn tại những cụm dân cư và khu phố chưa đạt được các danh hiệu văn hóa, và còn có nhiều cá nhân vẫn còn vi phạm những nội dung trong chiến lược phát triển văn hóa.

Trong đề án “*Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị*” đã xây dựng hệ thống các quy định và quy tắc ứng xử cụ thể cho nhân dân nhưng vẫn còn

một số bộ phận dân cư không chấp hành, hoặc cố tình vi phạm làm ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất và sinh hoạt của một bộ phận cư dân khác.

Việc chỉ đạo cuộc vận động và ban điều hành dự án từ quận, huyện tới cơ sở có lúc, có nơi phối hợp chưa chặt chẽ và thống nhất. Nội dung chỉ đạo có khi còn bị trùng lặp, quá trình chỉ đạo thực hiện đôi khi còn chưa giám sát chặt chẽ, và lơ là trong công tác quản lý nên hiệu quả của chương trình chưa bền vững đôi khi còn chạy theo thành tích.

Chất lượng của cuộc vận động và nội dung thực hiện đề án chưa đảm bảo chất lượng, có khi chỉ thực hiện theo phong trào và theo thành tích nên chưa nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân.

** Nguyên nhân*

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” được Mặt trận tổ quốc thành phố phát động và đề án “Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị” của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đã làm chuyển biến bộ mặt văn hóa, xã hội của thành phố. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được cuộc vận động vẫn còn một số hạn chế nhất định, nguyên nhân của những tồn tại đó xuất phát từ nhiều phương diện khác nhau cụ thể:

Một là, cuộc vận động và quá trình thực hiện đề án chưa được sự quan tâm nhiệt tình của các ban ngành, cơ quan một cách tích cực

Hai là, quá trình chỉ đạo thực hiện còn có những bất cập chưa đồng bộ

Ba là, phong trào chưa lôi kéo được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia và tích cực hưởng ứng

Bốn là, kinh phí thực hiện còn hạn hẹp vì thế chưa triển khai được các nội dung của cuộc vận động và chưa thực hiện tốt được tất cả nội dung trong đề án

Năm là, nội dung cuộc vận động chưa phong phú, đa dạng, quá trình triển khai đôi khi còn cứng nhắc và chưa thực sự chặt chẽ nên không thu hút được sự tham gia của nhân dân.

Kết luận chương 2

Trong quá trình lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới đất nước, thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, Đảng ta luôn nhận thức đầy đủ, toàn diện, sâu sắc về vai trò, vị trí của văn hóa trong đời sống xã hội. Đảng và Nhà nước đã có nhiều những chủ trương, chính sách quan trọng, định hướng đúng đắn sự phát triển của văn hóa; đảm bảo sự cân đối, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa; chăm lo đời sống tinh thần của nhân dân, hướng tới sự phát triển bền vững.

Một trong những giải pháp phát triển văn hóa dân tộc là phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*, kế thừa và phát huy từ truyền thống *“Đại đoàn kết toàn dân tộc”*.

Đối với thành phố Đà Nẵng, song song với các mục tiêu phát triển kinh tế, thành phố cũng rất chú trọng trong vấn đề phát triển xã hội, đặc biệt là phát triển văn hóa. Bởi vậy, Các cấp Ủy Đảng đã chủ trương thực hiện cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* và thực hiện đề án *“Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị”*. Nội dung thực hiện của hai phong trào trên luôn được triển khai thực hiện ngày càng sâu rộng trong phạm vi toàn thành phố, trên khắp các quận, huyện; được các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể từ Trung ương đến các địa phương, cơ sở quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn và tạo điều kiện. Đặc biệt, được cán bộ và các tầng lớp nhân dân tham gia hưởng ứng đông đảo, nên đã đạt được nhiều kết quả, thành tựu quan trọng. Phong trào đã có vai trò đặc biệt quan trọng, làm thay đổi diện mạo và nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của

nhân dân ở cơ sở, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế và văn hóa - xã hội của Thành phố

Kết quả đó đã tạo ra sự chuyển biến về nhận thức trong các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân và toàn xã hội về vai trò, vị trí của văn hóa và trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa trong giai đoạn mới, góp phần quan trọng xây dựng và phát triển nền văn hóa xứ Quảng nói riêng và nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG NÉP SỐNG VĂN HÓA KHU DÂN CƯ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY

3.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA CÁC GIẢI PHÁP

3.1.1. Quan điểm chiến lược của Đảng, Nhà nước.

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” do Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động từ năm 1995 có nội dung toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, có quy mô rộng lớn nhằm thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại địa bàn dân cư, đã mang lại những hiệu quả thiết thực trên nhiều mặt, thu hút được sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, góp phần tạo nên sự đồng thuận trong toàn xã hội. Chính phủ đã có văn bản số 126/QH ngày 6 tháng 01 năm 1996, Thủ tướng Chính phủ có Chi thị 23/1998/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 1998 yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp trong việc triển khai, thực hiện.

Ngày 16/7/1998, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Khoá VIII đã ban hành Nghị quyết về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”.

Nghị quyết đưa ra 5 quan điểm chỉ đạo, 10 nhiệm vụ cụ thể và 4 nhóm giải pháp lớn để xây dựng và phát triển văn hoá, trong đó nhóm giải pháp số 1 có ý nghĩa then chốt là “Mở cuộc vận động giáo dục Chủ nghĩa yêu nước gắn với thi đua yêu nước và phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) nhằm thể chế hoá chủ trương của Đảng bằng quyết sách cụ thể, ngày 21/4/2000, tại tỉnh Quảng Nam - Ban chỉ đạo Trung ương phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá đã ra mắt. Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm đã trực tiếp chỉ đạo và thay mặt Chính phủ phát động phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*” trong toàn quốc. Phong trào này kế thừa những thành tựu, kinh nghiệm, kết quả đạt được từ các phong trào “Đời sống mới” (năm 1961), xây dựng “Gia đình văn hoá”, “Làng văn hoá” (năm 1991) và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” (năm 1995).

Phong trào là sợi dây đan kết các phong trào hiện có về xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở. Mục tiêu chung của phong trào là: Đoàn kết xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống tốt đẹp; Đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá phong phú, lành mạnh, đẩy lùi tệ nạn xã hội. Với 5 nội dung cơ bản của Phong trào là: Phát triển kinh tế, giúp nhau làm giàu chính đáng, xoá đói giảm nghèo; Xây dựng tư tưởng chính trị lành mạnh; Xây dựng nếp sống văn minh, kỷ cương xã hội, sống và làm việc theo pháp luật; Xây dựng môi trường văn hoá sạch - đẹp - an toàn; Xây dựng các thiết chế về văn hoá - thể thao và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá thể thao cơ sở. Phong trào ngày càng phát triển sâu rộng trên khắp các vùng, miền của đất nước; được các cấp uỷ Đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; được các ngành, các đoàn thể hưởng ứng; được các tầng lớp nhân dân đồng tình thực hiện. Do đó Phong trào đã có tác động tích cực, sâu sắc, toàn diện đến nhiều lĩnh vực của đời sống, thực sự trở thành giải pháp quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII).

Để đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” trong giai đoạn mới, góp phần thiết thực xây dựng nông thôn mới theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5 tháng 8 năm 2008

của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP, ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

3.1.2. Quan điểm chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

Trên cơ sở những quan điểm chỉ đạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có công văn chỉ thị các sở văn hóa thể thao và du lịch, Mặt trận Tổ Quốc, và các phòng ban liên quan để chỉ đạo thực hiện cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư*”. Quyết định số 857/ QĐ - UBND, ban hành ngày 16/01/2012, quyết định ban hành chương trình thực hiện phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa khu dân cư*” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2012 - 2015 định hướng đến năm 2012. Cụ thể như sau:

- Tiếp tục phát triển phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa khu dân cư*” bền vững, có chiều sâu, chất lượng, hiệu quả, thiết thực.

- Nâng cao hiệu quả lãnh đạo của các cấp ủy Đảng; hiệu lực quản lý của các cấp chính quyền; vai trò chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa khu dân cư*” và đề án “*Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị*” Sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với tổ chức đoàn thể ở các cấp. Phát huy ý thức tự nguyện, tự giác của người dân và ý thức tự quản của cộng đồng, tạo cơ chế đồng bộ để phong trào phát triển bền vững.

- Gắn thực hiện phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa khu dân cư*” với các mục tiêu phát triển văn hóa trong Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Phối hợp và đẩy mạnh các phong trào hiện có, tạo sức mạnh tổng hợp của phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa khu dân cư*” đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của phong trào phù hợp với từng đặc điểm, tình hình của từng địa phương, khu vực thu hút ngày càng đông đảo tầng lớp nhân dân ở các địa bàn tham gia.

- Huy động mạnh mẽ các nguồn lực tham gia hoạt động phong trào, trên cơ sở tăng mức đầu tư, hỗ trợ của ngân sách nhà nước; thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội hóa văn hóa, nhằm động viên sức người, sức của của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức xã hội và doanh nghiệp để nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân

Mục tiêu xây dựng đời sống văn hóa cho nhân dân thông qua phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa khu dân cư*”

a. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa; tổ dân phố văn hóa; thôn văn hóa; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; tạo chuyển biến tích cực trong việc xây dựng con người có tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa; thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

Gắn kết và phát huy vai trò của Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” với phát triển văn hóa nông thôn; xây dựng nông thôn mới; xây dựng nếp sống văn minh đô thị; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa việc xây

dựng các thiết chế văn hóa và hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở; thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội trong giai đoạn mới.

b. Mục tiêu cụ thể đến năm 2015

- Thu hút 50% trở lên số người dân tham gia vào các hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở;

- 35 - 40% trung tâm văn hóa - thể thao xã, phường; 70% nhà văn hóa, khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- 85% gia đình giữ vững và phát huy danh hiệu "Gia đình văn hóa";

- 70% tổ dân phố, thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu "Tổ dân phố văn hóa", "Thôn văn hóa";

- 80% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa;

- 70% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; 40% phường đạt chuẩn văn minh đô thị.

c. Mục tiêu định hướng đến năm 2020

Tiếp tục củng cố về chất lượng; nâng cao tỷ lệ các chỉ tiêu đạt được trong giai đoạn 2012 - 2015.

Phần đầu đạt được các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới cấp xã, cụ thể:

Có 100% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, 50% phường đạt chuẩn văn minh đô thị.

Có 80% tổ dân phố, thôn đạt tiêu chuẩn "Tổ dân phố văn hóa", "Thôn văn hóa" theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Có 80% thôn có nhà văn hóa, khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA KHU DÂN CƯ

3.2.1. Giải pháp quản lý Nhà nước

a. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo:

Đối với các cơ quan ban ngành cần phải đưa mục tiêu thực hiện Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” vào nghị quyết của các cấp ủy Đảng, kế hoạch của các cấp chính quyền để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Có như vậy mới tập trung thực hiện những nội dung của cuộc vận động một cách thường xuyên, thông qua đó cũng đẩy mạnh được việc giám sát, đôn đốc thực hiện, tạo nên một sự chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới làm cho phong trào phát triển đồng bộ và đem đến kết quả cao.

Kiểm toàn về tổ chức, hoạt động và đảm bảo điều kiện cho Ban Chỉ đạo phong trào ở các cấp hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Chú trọng công tác giáo dục, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan, chiến sỹ lực lượng vũ trang gương mẫu thực hiện phong trào.

Phải xác định rõ trách nhiệm của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố trong việc đầu tư thời gian chỉ đạo, tổ chức, theo dõi, kiểm tra hoạt động văn hóa, và đầu tư thiết bị, cơ sở vật chất cho hoạt động văn hóa, văn học - nghệ thuật của thành phố tương xứng với vị trí đô thị loại 1 cấp quốc gia. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng cho cán bộ đảng viên và tầng lớp nhân dân. Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và nhiều hình thức khác nhằm xây dựng con người mới có đạo đức, tư tưởng và lối sống lành mạnh, có nếp sống văn minh, xây dựng ý thức chấp hành pháp luật trong tầng lớp nhân dân. Các cấp ủy Đảng cần thường xuyên coi trọng công tác tự phê bình và phê bình về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên.

b. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phong trào ở các cấp:

Các cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và Đề án “Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị” thành phố chủ động tăng cường các hoạt động chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện phong trào theo các nội dung được phân công;

Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp theo hướng: Thiết thực, hiệu quả, sâu sát thực tiễn, có trọng tâm, trọng điểm; giải quyết những khó khăn, vướng mắc, bất cập đặt ra trong quá trình triển khai phong trào;

Phối hợp chặt chẽ giữa Ban vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và Đề án “Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị” ở các cấp; thành lập Ban vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp do Liên đoàn Lao động các cấp chủ trì.

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa các cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo các cấp, nhằm đảm bảo sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của Ban Chỉ đạo, gắn với việc phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của các cơ quan, tổ chức thành viên Ban Chỉ đạo các cấp.

Ban Chỉ đạo Phong trào, phải phát động được một phong trào xây dựng đời sống văn hóa có ý nghĩa sâu rộng, phải xây dựng được phong trào theo đúng tiêu chí: *“làm cho văn hóa sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước*

ta đòi sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”

3.2.2. Giải pháp huy động nguồn lực

a. Tăng mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước:

Bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên của Ban Chỉ đạo phong trào ở các cấp; kinh phí bồi dưỡng nghiệp vụ; kinh phí khen thưởng các cá nhân, gia đình, cộng đồng, tập thể có thành tích xuất sắc thực hiện phong trào theo quy định hiện hành;

Ngân sách nhà nước xây dựng nhà văn hóa, sân thể thao xã; hỗ trợ một phần xây dựng nhà văn hóa, sân thể thao thôn theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Bảo đảm kinh phí khen thưởng “Gia đình văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”, “Thôn văn hóa” được cấp kèm giấy chứng nhận theo quy định tại điểm c và điểm d, khoản 1, Điều 71 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng;

Bổ sung kinh phí khen thưởng từ nguồn ngân sách nhà nước cho việc công nhận cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa; doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa cho Liên đoàn Lao động thành phố; kinh phí khen thưởng “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”; “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị” cho UBND các quận, huyện;

Khuyến khích các địa phương, các ngành, đoàn thể căn cứ vào khả năng ngân sách và các nguồn xã hội hóa hỗ trợ trang thiết bị hoạt động văn hóa, thể thao cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; các tổ dân phố, thôn văn hóa; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường đạt chuẩn văn minh đô thị.

Hỗ trợ kinh phí khuyến khích các thôn, xã xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng nông thôn mới. Hoàn thành quy hoạch, dành quỹ đất công, hỗ trợ kinh phí đền bù đất đai, giải phóng mặt bằng xây dựng các cơ sở văn hóa, thể thao xã hội hóa theo các quy định của pháp luật.

b. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa văn hóa:

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở xã hội hóa về lĩnh vực văn hóa, thể thao và vui chơi giải trí ở nông thôn, theo quy định của pháp luật;

Xây dựng cơ chế huy động các doanh nghiệp trên địa bàn tham gia xây dựng đời sống văn hóa; vận động nhân dân tự nguyện đóng góp kinh phí để duy trì hoạt động thường xuyên của nhà văn hóa, sân thể thao xã, thôn;

Phát động rộng rãi các mô hình tổ chức, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phù hợp với điều kiện sinh hoạt và nhu cầu người dân ở các địa bàn dân cư.

3.2.3. Giải pháp đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng

Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp về vai trò của văn hóa, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa; gắn với phát động và tổ chức tốt phong trào thi đua, tạo động lực, thúc đẩy thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; lời cuốn, khuyến khích mọi cá nhân, gia đình, cộng đồng, tập thể thực hiện Phong trào.

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên các phương tiện thông tin đại chúng. Định kỳ tổ chức hội nghị tuyên dương các cá nhân, tập thể xuất sắc trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở các cấp, tiến tới hội nghị tôn vinh các điển hình tiên tiến trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” toàn quốc vào năm 2015 và năm 2020.

Lấy kết quả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” là một trong các tiêu chuẩn để bình xét các danh hiệu thi đua của các cá nhân và tập thể hàng năm. Chú trọng công tác khen thưởng, động viên, cổ vũ phong trào phù hợp với các quy định của Luật Thi đua - Khen thưởng.

3.2.4. Giải pháp nâng cao nghiệp vụ

Bồi dưỡng, nâng cao trình độ nhận thức và kỹ năng tổ chức triển khai thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cho Ban Chỉ đạo phong trào các cấp.

Xây dựng, phổ biến và nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến giữ vững và phát huy các danh hiệu văn hóa; có cách nghĩ, cách làm tích cực, sáng tạo thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” các cấp.

Tổ chức tốt việc nghiên cứu khoa học, tổng kết lý luận và thực tiễn, điều tra xã hội học về hiệu quả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; kịp thời bổ sung, sửa đổi về nội dung, giải pháp thực hiện Phong trào phù hợp với thực tiễn ở các địa bàn, khu vực.

Tích cực tham mưu cho các cấp ủy Đảng, chính quyền ban hành các chủ trương, chính sách, pháp luật về phát triển Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

3.3.1. Về phía các cơ quan ban ngành.

Cần phải có những tác động tới các cơ quan ban ngành và các cấp lãnh đạo để làm chuyển biến về nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể về vị trí đặc biệt quan trọng của Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” trong việc tuyên truyền, giáo dục về văn hóa và tổ chức lãnh đạo, thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa; tạo mọi điều kiện thuận lợi để phong trào ngày càng phát triển và phát huy hiệu quả.

Về phía các cấp lãnh đạo phải có những biện pháp tích cực để đẩy mạnh phong trào ở các cấp cơ sở thông qua các văn bản ban hành, các kênh thông tin đại chúng và công tác tuyên truyền và vận động quần chúng, làm cho mọi người dân, từng gia đình, từng cộng đồng dân cư và cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hiểu rõ về ý nghĩa, nội dung của phong trào, từ đó tự nguyện, tự giác thực hiện. Việc xây dựng đời sống văn hóa phải được cụ thể hóa thành nội dung trong công tác quy hoạch, xây dựng các thiết chế văn hóa thành các chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và chỉ tiêu thi đua của Đảng, các ban ngành, đoàn thể, địa phương, đồng thời phải có kế hoạch triển khai phát động các phong trào xây dựng nếp sống văn hóa trên quy mô toàn thành phố.

Đưa phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu và các giải pháp thực hiện Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” vào nghị quyết của các cấp ủy Đảng để tập trung lãnh đạo thực hiện.

Nâng cao mức đầu tư, hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, tương xứng với tăng trưởng kinh tế hàng năm. Ưu tiên các vùng khó khăn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc. Cụ thể hóa thực hiện các chính sách thu hút các cá nhân, tổ

chức, doanh nghiệp và vận động nhân dân đóng góp xây dựng các cơ sở xã hội hóa văn hóa, thể thao theo các quy định của pháp luật.

Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp các nguồn lực; lồng ghép triển khai Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, với thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ chuyên môn nghiệp vụ của các ngành, đoàn thể; gắn thực hiện phong trào với thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố

Đối với các cơ quan hoạch định chính sách, cần phải xây dựng những chính sách phát triển kinh tế xã hội phù hợp với từng khu vực, từng cộng đồng dân cư khác nhau. Bên cạnh đó phải có sự đồng đều và phát triển dàn trải tránh việc chỉ tập trung vào những khu vực đô thị mà không chú ý phát triển ở các vùng ven.

3.3.2. Về phía các cơ quan quản lý

Cần phải nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý Nhà nước về văn hóa, đổi mới cơ chế, chính sách cho phù hợp với tình hình hoạt động văn hóa. Trước hết là tập trung xây dựng và ban hành các văn bản pháp quy về hoạt động văn hóa, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm trên lĩnh vực văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Các ban ngành chức năng cần chủ động phối hợp trong chỉ đạo, quản lý và tổ chức các hoạt động văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Tiếp tục huy động mọi lực lượng của hệ thống chính trị tham gia tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ của các hoạt động văn hóa, trước hết là lĩnh vực xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, nếp sống văn minh đô thị, giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội.

Các ban ngành Văn hóa thông tin cần phải chú ý công tác tổ chức, tuyên truyền, giới thiệu giá trị các di sản văn hóa, thông qua hình thức xuất bản các

ấn phẩm, sách báo và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nghiên cứu các hình thức tổ chức liên kết, phối hợp với các nhà Bảo tàng lực lượng vũ trang trên địa bàn thành phố trong công tác tham quan, giáo dục truyền thống.

Đối với các cơ quan quản lý, cần tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp và hoàn chỉnh các thiết chế văn hóa từ thành phố, quận huyện đến cơ sở. Tiếp tục chỉ đạo xây dựng các quy ước văn hóa đồng thời hoàn chỉnh hệ thống thiết chế văn hóa thôn - khối phố bằng nguồn lực Nhà nước và huy động sự đóng góp của toàn xã hội.

Các ngành chức năng tích cực tham mưu xây dựng những cơ chế, chính sách, huy động các nguồn lực, thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa.

Về phía Mặt trận Thành phố, là đầu mối phối hợp thực hiện phong trào xây dựng đời sống văn hóa. Do vậy, Mặt trận Tổ quốc các cấp cần tham mưu cho cấp ủy, huy động lực lượng các đoàn thể thành viên, phối hợp với chính quyền quán triệt kỹ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của Cuộc vận động trong nhân dân ở tất cả các khu dân cư để họ nhiệt tình và tích cực tham gia thực hiện.

Việc tuyên truyền về cuộc vận động của Mặt trận phải gắn chặt với đặc điểm của từng địa bàn dân cư, phát huy thế mạnh của mỗi khu dân cư; phát huy tinh thần nhân ái trong đồng bào có tín ngưỡng tôn giáo; phát huy truyền thống cách mạng ở các khu phố, ấp; tại các xã, phường được phong danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang...

Cần xây dựng và củng cố thường xuyên Ban công tác Mặt trận và Ban vận động ở khu dân cư để tập thể Ban vận động đủ sức quán triệt, triển khai,

đóng góp của họ cho khu dân cư, cho công trình đã thành hiện thực và họ cũng được hưởng thành quả đó.

3.3.3. Về phía các cán bộ văn hóa cấp cơ sở

Đối với cán bộ văn hóa cấp cơ sở cần phải nhiệt tình, hăng hái, tham gia tích cực phong trào, thường xuyên bám sát thực tế địa phương, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện các phong trào để triển khai tất cả những nội dung của công tác xây dựng đời sống văn hóa xuống các cấp cơ sở.

Cán bộ văn hóa cấp cơ sở cần phải nhạy bén, tích cực trong việc đưa hoạt động của ban chỉ đạo cấp trên vào hoạt động thực tế tại địa phương mình một cách thường xuyên, nề nếp, thiết thực. Tăng cường sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của tập thể ban chỉ đạo các cấp đi đôi với phát huy vai trò chủ động, tích cực và sáng tạo của các cơ quan thành viên. Xây dựng và thực hiện tốt mối quan hệ trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thành viên với các hoạt động văn hóa ở tại địa phương

Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, chuyên mạnh các hoạt động của ban chỉ đạo các cấp về cơ sở, kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn; tập trung chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm; tổng kết đúc rút kinh nghiệm; phổ biến nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến.

Chú trọng công tác tuyên truyền, vận động quần chúng phù hợp với đối tượng, địa bàn. Phát huy dân chủ, tạo điều kiện để nhân dân tham gia xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai phong trào; bàn bạc và quyết định các biện pháp cụ thể để thực hiện phong trào; khắc phục tình trạng chỉ đạo triển khai phong trào mang tính chất hành chính, áp đặt.

Đối với đội ngũ cán bộ văn hóa ở địa phương, cần phải xây dựng các kế hoạch nâng cao nếp sống văn hóa ở địa phương mình, xây dựng những chỉ tiêu sát thực với thực tế địa phương mình quản lý, phù hợp với tính chất và

nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức tự quản cộng đồng. Có chính sách ưu tiên và linh hoạt phù hợp đối với các lĩnh vực, địa bàn đặc thù.

Kết luận chương 3

Có thể nói cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” và thực hiện đề án “*Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị*” được triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện thực hiện. Được các tầng lớp nhân dân tham gia hưởng ứng mạnh mẽ nên phong trào ngày càng phát triển sâu rộng và thu được những thành tựu quan trọng.

Để có được những kết quả như vậy là nhờ sự chỉ đạo kịp thời của các cấp chính quyền và sự đồng thuận, tham gia tích cực của nhân dân, tuy nhiên với vị thế địa lý - kinh tế - xã hội có nhiều tiềm năng như thành phố thì những kết quả đạt được vẫn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng

Vì vậy, trong khuôn khổ của luận văn chúng tôi xin được mạnh dạn đưa ra một số giải pháp mang tính khái quát để có thể xây dựng phong trào văn hóa của thành phố phát triển hơn nữa trong tương lai, đồng thời bày tỏ một số ý kiến cá nhân, đề xuất một số kiến nghị để xây dựng phong trào, phát triển nền văn hóa xã hội của thành phố theo hướng phát triển bền vững trong tương lai.

- [11] Nguyễn Duy Bắc (2006), *Tư duy lý luận về văn hóa và phát triển của Đảng cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
- [12] Trần Văn Bình (chủ biên) (2004), *Lý luận văn hóa và đường lối văn hóa của Đảng*, Chương trình cao cấp chính trị, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [13] Cục thống kê thành phố Đà Nẵng (2006), *Đà Nẵng 10 năm thành tựu và phát triển*, Nxb Thống kê Đà Nẵng.
- [14] Cục thống kê thành phố Đà Nẵng (2009), *Niên giám thống kê Đà Nẵng*, Nxb Thống kê Đà Nẵng.
- [15] Nguyễn Văn Dân (2006), *Văn hóa và phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [16] Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [17] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [18] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [19] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [20] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [21] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [22] Nguyễn Văn Huyền (2010), "*Triết lý phát triển xã hội Hồ Chí Minh, một đóng góp quan trọng cho triết lý phát triển xã hội*", Viện Chính trị học, Hà Nội.
- [23] Khoa văn hóa xã hội chủ nghĩa - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1997), *Giáo trình Văn hóa xã hội chủ nghĩa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [24] Khoa văn hóa xã hội chủ nghĩa - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2000), *Giáo trình lý luận văn hóa và đường lối văn hóa của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [25] Kết luận Hội nghị lần thứ 10, BCH TW Đảng (khóa IX) (2004), *Tạp chí thông tin văn hóa và Phát triển*, Khoa văn hóa xã hội chủ nghĩa, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- [26] Đinh Xuân Lâm, Bùi Đình Phong (2008), *Văn hóa và triết lý phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [27] V.I.Lênin *Toàn tập (1968)*, tập 24, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [28] V.I.Lênin *Toàn tập (1968)*, tập 26, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [29] C.Mác (1980), *Bản thảo kinh tế triết học*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [30] C.Mác, Ph.Ăngghen, *Tuyển tập (2002)*, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [31] C.Mác, Ph.Ăngghen, *Tuyển tập (2002)* tập 4, Nxb Sự thật, Hà Nội
- [32] C.Mác, Ph.Ăngghen, *Tuyển tập (2002)* tập 20, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [33] Hồ Chí Minh, *Toàn tập (1996)*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
- [34] Hồ Chí Minh, *Toàn tập (1996)*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [35] Hồ Chí Minh, *Toàn tập (2000)*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [36] Hồ Chí Minh, *Toàn tập (2000)*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [37] Hồ Chí Minh, *Toàn tập (2002)*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [38] Trần Văn Minh (2010), “Để thành phố phát triển nhanh và bền vững”, *Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng*
- [39] Nghị quyết TW5 khóa 8 và thông tri số 04 của ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về triển khai cuộc vận động - *Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”.
- [40] Nguyễn Đình Sáng (2009), “Cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư ở Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Mặt trận tổ quốc Việt Nam*.
- [41] *Tạp chí Người đưa tin của UNESCO* (11/1998), tr.5.
- [42] Thành ủy Đà Nẵng (2004), *Đà Nẵng xây dựng và phát triển văn hóa, Sở văn hóa thông tin Đà Nẵng*.
- [43] Nguyễn Thu Thảo (2010), “Cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư ở đô thị duyên hải miền trung giai đoạn 2005 -2010”, *Tạp chí Mặt trận tổ quốc Việt Nam*.
- [44] Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm hiểu bản sắc văn hóa Việt Nam: cái nhìn hệ thống loại hình*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [45] UBND Thành phố Đà Nẵng (2006), “Văn hóa Đà Nẵng hội nhập và phát triển”, *Kỳ yếu hội thảo*, Đà Nẵng.

